

GIẤY XÁC NHẬN
TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 122/2025/XNTH-TPDD

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ kết quả kiểm tra.

Viện An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng xác nhận:

Các ông/bà thuộc: **Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II**

Địa chỉ: Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0221-3974686

Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0900302927, do Sở Tài Chính tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 22/07/2025.

Có tên trong danh sách kèm theo Giấy xác nhận này đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

VIỆN TRƯỞNG



GS.TS. Phan Thị Kim

DANH SÁCH
Kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm
Số: 122/2025/XNTH-TPDD

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Ngày tháng năm sinh	CCCD/Thẻ căn cước	Ngày tháng năm cấp
1	Nguyễn Tiến Dương	Nam	01/01/1975	001075046372	08/12/2021
2	Đinh Thị Thắm	Nữ	06/02/1983	037183010282	02/12/2022
3	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	10/11/1988	035188014368	17/09/2021
4	Đào Văn Thiệu	Nam	23/10/1987	033087002647	04/04/2017
5	Luyện Thị Luân	Nữ	29/03/1991	033191004476	09/01/2022
6	Bùi Thị Tươi	Nữ	08/08/1979	033179001827	25/06/2021
7	Bàn Văn Minh	Nam	07/06/1993	014093007700	04/02/2022
8	Nguyễn Tất Quảng	Nam	20/08/1995	033095010652	16/06/2025
9	Phạm Xuân Hà	Nam	03/03/1981	025081004880	21/04/2021
10	Nguyễn Năng Nguyên	Nam	28/09/1984	001084010951	01/03/2025
11	Lê Quyết Thành	Nam	30/03/1981	001081016516	20/04/2021
12	Trần Xuân Quỳnh	Nam	02/05/1986	035086010338	14/04/2022
13	Đặng Văn Quốc	Nam	19/09/1994	014094010144	07/02/2023
14	Nguyễn Văn Tâm	Nam	22/10/1986	033086007750	28/07/2025
15	Trần Thị Hồng	Nữ	10/10/1978	082178001930	25/04/2021
16	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	16/08/1971	033171009682	07/08/2021
17	Đỗ Thị Duyên	Nữ	06/06/1986	033186007036	30/05/2022
18	Đặng Thị Thanh Thủy	Nữ	08/11/1980	033180002152	22/12/2021
19	Chu Văn Thân	Nam	02/11/1992	040092002941	13/04/2021
20	Nguyễn Thị Nhâm	Nữ	20/07/1983	033183006006	24/05/2023
21	Trương Văn Sơn	Nam	10/10/1985	038085021567	25/05/2022

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Ngày tháng năm sinh	CCCD/Thẻ căn cước	Ngày tháng năm cấp
22	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	06/02/1983	033183005233	27/06/2021
23	Trần Thế Long	Nam	09/02/1982	033082007208	12/08/2021
24	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	10/04/1975	033175005780	08/04/2021
25	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	01/12/1970	042170010617	06/08/2022
26	Vì Xuân Triều	Nam	20/01/1991	014091011179	20/03/2022
27	Hồ Thị Vóc	Nữ	01/02/1984	033184007530	17/02/2025
28	Hoàng Văn Quynh	Nam	29/06/1987	033087007000	10/08/2021
29	Đinh Mạnh Hùng	Nam	19/08/1995	014095000746	27/03/2021
30	Trịnh Thị Chuyên	Nữ	10/10/1986	033186007032	29/04/2021
31	Đặng Thị Hương	Nữ	05/02/1984	033184003803	05/01/2023
32	Đỗ Thị Lan	Nữ	05/04/1974	025174004837	05/08/2022
33	Trần Thị Thanh	Nữ	20/06/1979	040179029229	02/02/2023
34	Đào Thị Lợi	Nữ	16/02/1978	033178009748	22/07/2022
35	Đặng Quang Huân	Nam	30/07/2007	008207007017	21/04/2022
36	Nguyễn Thị Quế	Nữ	12/10/1980	033180006477	24/04/2021
37	Đặng Quang Triển	Nam	17/03/2007	008207006115	18/03/2025
38	Cáp Thị Thu Huyền	Nữ	08/11/1972	033172000951	01/04/2022
39	Nguyễn Thị Bình	Nữ	23/09/1977	033177001461	03/06/2022
40	Nguyễn Văn Tuyến	Nam	15/08/1995	001095032602	10/07/2021

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA

Tên lớp: Tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

Thời gian tập huấn: Ngày 08/10/2025

Địa điểm: Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II - Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Ngày tháng năm sinh	Điểm kiểm tra	Đánh giá (Đạt/không đạt)
	1	2	3	4	5
1	Nguyễn Tiến Dương	Nam	01/01/1975	30/30	Đạt
2	Đinh Thị Thắm	Nữ	06/02/1983	30/30	Đạt
3	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	10/11/1988	30/30	Đạt
4	Đào Văn Thiệu	Nam	23/10/1987	29/30	Đạt
5	Luyện Thị Luân	Nữ	29/03/1991	30/30	Đạt
6	Bùi Thị Tươi	Nữ	08/08/1979	30/30	Đạt
7	Bàn Văn Minh	Nam	07/06/1993	30/30	Đạt
8	Nguyễn Tất Quảng	Nam	20/08/1995	30/30	Đạt
9	Phạm Xuân Hà	Nam	03/03/1981	30/30	Đạt
10	Nguyễn Năng Nguyên	Nam	28/09/1984	30/30	Đạt
11	Lê Quyết Thành	Nam	30/03/1981	30/30	Đạt
12	Trần Xuân Quỳnh	Nam	02/05/1986	30/30	Đạt
13	Đặng Văn Quốc	Nam	19/09/1994	30/30	Đạt
14	Nguyễn Văn Tâm	Nam	22/10/1986	29/30	Đạt
15	Trần Thị Hồng	Nữ	10/10/1978	30/30	Đạt
16	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	16/08/1971	30/30	Đạt
17	Đỗ Thị Duyên	Nữ	06/06/1986	30/30	Đạt
18	Đặng Thị Thanh Thủy	Nữ	08/11/1980	30/30	Đạt
19	Chu Văn Thân	Nam	02/11/1992	30/30	Đạt
20	Nguyễn Thị Nhâm	Nữ	20/07/1983	30/30	Đạt

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN AN TOÀN
THỰC PHẨM VÀ
DINH DƯỠNG
Kim
GS.TS Phan Thị Kim

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA

Tên lớp: Tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

Thời gian tập huấn: Ngày 13/10/2025

Địa điểm: Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II - Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Ngày tháng năm sinh	Điểm kiểm tra	Đánh giá (Đạt/không đạt)
	1	2	3	4	5
1	Trương Văn Sơn	Nam	10/10/1985	29	Đạt
2	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	06/02/1983	29	Đạt
3	Trần Thế Long	Nam	09/02/1982	29	Đạt
4	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	10/04/1975	29	Đạt
5	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	01/12/1970	29	Đạt
6	Vì Xuân Triều	Nam	20/01/1991	29	Đạt
7	Hồ Thị Vóc	Nữ	01/02/1984	29	Đạt
8	Hoàng Văn Quỳnh	Nam	29/06/1987	29	Đạt
9	Đinh Mạnh Hùng	Nam	19/08/1995	29	Đạt
10	Trịnh Thị Chuyên	Nữ	10/10/1986	29	Đạt
11	Đặng Thị Hương	Nữ	05/02/1984	29	Đạt
12	Đỗ Thị Lan	Nữ	05/04/1974	29	Đạt
13	Trần Thị Thanh	Nữ	20/06/1979	29	Đạt
14	Đào Thị Lợi	Nữ	16/02/1978	29	Đạt
15	Đặng Quang Huân	Nam	30/07/2007	29	Đạt
16	Nguyễn Thị Quế	Nữ	12/10/1980	29	Đạt
17	Đặng Quang Triển	Nam	17/03/2007	29	Đạt
18	Cáp Thị Thu Huyền	Nữ	08/11/1972	29	Đạt
19	Nguyễn Thị Bình	Nữ	23/09/1977	29	Đạt
20	Nguyễn Văn Tuyền	Nam	15/08/1995	29	Đạt

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN AN TOÀN
THỰC PHẨM VÀ
DINH DƯỠNG
GS.TS Phan Thị Kim

Số: 102/2025/HOGVII/ CV

V/v: Thông báo thay đổi hình thức bếp ăn tập thể và cam
kết an toàn thực phẩm tại Công Ty TNHH Hoya Glass Disk
Việt Nam II

VP Giám đốc v. Th. Lê Văn Tuấn h. 8/8 .
WJ

Hưng Yên, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên.

Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xin gửi lời chào trân trọng và xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Quý cơ quan trong việc hỗ trợ hướng dẫn chúng tôi tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Và các quy định pháp luật hiện hành về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Căn cứ vào thanh lý hợp đồng dịch vụ: Hợp đồng số 0111/2016/HĐDV với NCC nấu ăn là Công ty TNHH dịch vụ Á Đông hiệu lực từ ngày 01/09/2025.

Công ty chúng tôi xin trân trọng thông báo: Từ tháng 09/2025, Công ty thay đổi hình thức bếp ăn tập thể từ thuê nhà thầu cung cấp suất ăn là Công ty TNHH dịch vụ Á Đông sang tự tổ chức nấu ăn tại bếp ăn của Công ty với công suất cung cấp 1,200 ~ 2,000 suất ăn/ lần phục vụ nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn và đảm bảo an toàn cho người lao động. Công ty chúng tôi xin Cam kết:

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình tổ chức bếp ăn tập thể.
2. Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nước sạch, quy trình sơ chế biến, bảo quản thực phẩm theo đúng quy định.
3. Thực hiện kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào, thực hiện đầy đủ hệ thống kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thực phẩm theo quy định.
4. Tổ chức tập huấn, cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho chủ cơ sở, nhân viên trực tiếp tham gia sơ chế, chế biến thực phẩm theo đúng quy định.
5. Đảm bảo cung cấp suất ăn an toàn, hợp vệ sinh cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Rất mong nhận được sự phối hợp và hướng dẫn từ Quý Chi cục để Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn!

Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Giám đốc Đinh Thị Thắm

**CÔNG TY TNHH HOYA GLASS
DISK VIỆT NAM II**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày 01 tháng 08 năm 2025



GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 001/2025/HOGV II/XNKTATTP

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/ QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927

Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 08 năm 2025

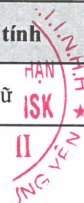
Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

DANH SÁCH ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm
Số: 001/2025/HOGVII/XNKTATTP ngày 01/08/2025)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20111161	Luyện Thị Luân	29/3/1991	Nữ



Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 002/2025/HOGV II/XNKTATTP

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/ QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927



Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 20 tháng 08 năm 2025

Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

DANH SÁCH ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm
Số: 002/2025/HOGVII/XNKTATTP ngày 20/08/2025)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20251291	Hoàng Văn Chính	02/01/1991	Nam
2	HY20251292	Vì Xuân Triều	20/01/1991	Nam
3	HY20251293	Đặng Quang Huân	30/07/2007	Nam
4	HY20251295	Đặng Quang Triều	17/03/2007	Nam
5	HY20251296	Phạm Thị Lê	10/11/1988	Nữ
6	HY20251297	Nguyễn Tất Quảng	20/08/1995	Nam
7	HY20251298	Hồ Thị Vóc	01/02/1984	Nữ
8	HY20251299	Nguyễn Thị Thảo	06/02/1983	Nữ
9	HY20251300	Đỗ Thị Duyên	06/06/1986	Nữ
10	HY20251301	Hà Văn Thề	28/01/1993	Nam
11	HY20251303	Hoàng Văn Quỳnh	29/06/1987	Nam
12	HY20251305	Đặng Thị Thanh Thủy	08/11/1980	Nữ
13	HY20251306	Đặng Văn Quốc	19/09/1994	Nam
14	HY20251307	Đinh Mạnh Hùng	19/08/1995	Nam
15	HY20251308	Trịnh Thị Chuyên	10/10/1986	Nữ
16	HY20251311	Trương Văn Sơn	10/10/1985	Nam
17	HY20251312	Nguyễn Thị Xuân	12/01/1970	Nữ
18	HY20251313	Phạm Xuân Hà	03/03/1981	Nam
19	HY20251315	Nguyễn Năng Nguyên	28/09/1984	Nam

Hưng Yên, ngày 25 tháng 08 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 003/2025/HOGV II/XNKTATTP

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/ QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927



Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

DANH SÁCH ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm
Số: 003/2025/HOGVII/XNKTATTP ngày 25/08/2025)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20251329	Trương Đình Mạnh	13/05/1990	Nam
2	HY20251330	Nguyễn Văn Tiệp	05/04/1976	Nam
3	HY20251334	Phạm Văn Hoàng	08/03/1997	Nam
4	HY20251335	Phạm Thị San	22/03/1976	Nữ
5	HY20251336	Chu Văn Thân	02/11/1992	Nam
6	HY20251337	Đặng Thị Hương	05/02/1984	Nữ
7	HY20251338	Trần Thế Long	09/02/1982	Nam
8	HY20251339	Nguyễn Văn Tâm	22/10/1986	Nam
9	HY20251340	Vũ Văn Diệp Ngọc Hưng	18/08/1993	Nam
10	HY20251341	Nguyễn Thị Nhâm	20/07/1983	Nữ
11	HY20251342	Nguyễn Thị Luyến	10/04/1975	Nữ
12	HY20251343	Bàn Văn Minh	07/06/1993	Nam
13	HY20251344	Đỗ Thị Lan	05/04/1974	Nữ
14	HY20251345	Trần Thị Định	15/10/1983	Nữ
15	HY20251346	Nguyễn Thị Mong	08/02/1974	Nữ
16	HY20251347	Nguyễn Thị Quế	12/10/1980	Nữ
17	HY20251348	Đặng Thị Linh	18/08/1974	Nữ
18	HY20251349	Trần Thị Thanh	20/06/1979	Nữ

**CÔNG TY TNHH HOYA GLASS
DISK VIỆT NAM II**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày 29 tháng 08 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 004/2025/HOGV II/XNKTATTP

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/ QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927



Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

DANH SÁCH ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm
Số: 004/2025/HOGVII/XNKTATTP ngày 29/08/2025)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20251331	Vũ Thị Thanh	22/10/1983	Nữ
2	HY20251365	Lê Quyết Thành	30/03/1981	Nam
3	HY20251366	Trần Xuân Quỳnh	02/05/1986	Nam
4	HY20251367	Bùi Thị Tươi	08/08/1979	Nữ
5	HY20251368	Trần Thị Hồng	10/10/1978	Nữ
6	HY20251369	Cáp Thị Thu Huyền	08/11/1972	Nữ
7	HY20251370	Nguyễn Thị Quyên	16/08/1971	Nữ
8	HY20251371	Nguyễn Thị Bình	23/09/1977	Nữ
9	HY20251373	Dương Thị Hằng	05/05/1972	Nữ
10	HY20251374	Trần Thị Nguyệt	21/01/1976	Nữ
11	HY20251375	Đào Thị Lợi	16/02/1978	Nữ
12	HY20251385	Lê Văn Công	07/09/1989	Nam
13	HY20251388	Lương Văn Chiến	15/06/1988	Nam
14	HY20251389	Hoàng Đình Kiên	06/06/1986	Nam
15	HY20251415	Hoàng Thị Lộc	16/01/1984	Nữ
16	HY20251379	Trần Thị Hoạt	19/11/1990	Nữ
17	HY20240448	Nguyễn Văn Tuyển	15/08/1995	Nam

CÔNG TY TNHH HOYA GLASS
DISK VIỆT NAM II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hung Yên, ngày 20 tháng 9 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 005/2025/HOGV II/XNKTATTP

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

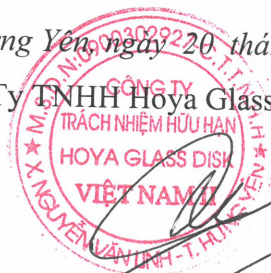
Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927

Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hung Yên, ngày 20 tháng 9 năm 2025

Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

DANH SÁCH ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm
Số: 005/2025/HOGVII/XNKTATTP ngày 20/9/2025)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20251433	Đinh Thị Ngà	10/11/1981	Nữ



CÔNG TY TNHH HOYA GLASS
DISK VIỆT NAM II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 8 tháng 10 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 006/2025/HOGV II/XNKTATTP



Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/ QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927

Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 8 tháng 10 năm 2025

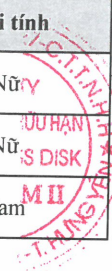
Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

DANH SÁCH ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm
Số: 006/2025/HOGVII/XNKTATTP ngày 8/10/2025)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20251518	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/04/1994	Nữ
2	HY20251519	Đào Thị Toan	18/05/1986	Nữ
3	HY20251520	Nguyễn Văn Tám	2/8/1994	Nam



CÔNG TY TNHH HOYA GLASS
DISK VIỆT NAM II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hưng Yên, ngày 18 tháng 10 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 007/2025/HOGV II/XNKTATTP

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927

Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 10 năm 2025

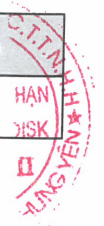
Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

DANH SÁCH ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm
Số: 007/2025/HOGVIL/XNKTATTP ngày 18/10/2025)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20251580	Nguyễn Thị Kim Duyên	9/11/2003	Nữ



CÔNG TY TNHH HOYA GLASS
DISK VIỆT NAM II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 008/2025/HOGV II/XNKTATTP



Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927

Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2025

Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20251211	Dương Thị Tuyết	23/02/1993	Nữ

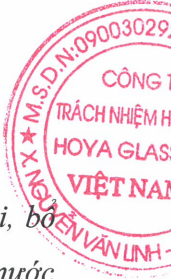
Nữ
HAN
RISK
NGUYỄN VĂN

CÔNG TY TNHH HOYA GLASS
DISK VIỆT NAM II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 14 tháng 11 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Số: 009/2025/HOGV II/XNKTATTP



Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 015/HOGV II/QĐ ngày 01/08/2025

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi đào tạo:

Phòng canteen Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II xác nhận:

Người lao động thuộc Công ty TNHH Hoya glass Disk Việt Nam II

Địa chỉ: Lô đất số A-9, KCN Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

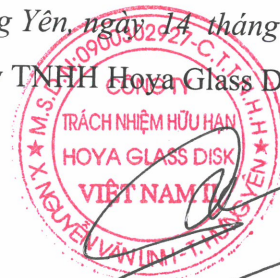
Điện thoại: 02213.974.686

Mã số thuế: 0900302927

Có tên trong danh sách kèm theo giấy xác nhận này đã được đào tạo kiến thức về An toàn thực phẩm và đạt yêu cầu theo quy định hiện hành, đáp ứng kiến thức cơ bản về An toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 14 tháng 11 năm 2025

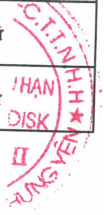
Công Ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II



Đinh Thị Thắm – GM Phòng Canteen

DANH SÁCH ĐƯỢC ĐÀO TẠO VÀ XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về An toàn thực phẩm
Số: 009/2025/HOGVII/XNKTATTP ngày 14/11/2025)

STT	Mã Nhân viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính
1	HY20251679	Nguyễn Thị Chiên	1/2/1984	Nữ
2	HY20251683	Trần Thị Khánh Ly	24/09/1982	Nữ



* Xét nghiệm máu:			
Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Bình thường
Bạch cầu	8.2	G/L	4.0–10.0
Hồng cầu	4.22	T/L	Nam 4.2–6.1 Nữ 3.8–5.4
Huyết sắc tố	12.1	g/dL	Nam 12–17 Nữ 12.8–16
Tiểu cầu	294	G/L	150–450
Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Bình thường
Đường máu	5	mmol/L	3.9–5.5
Ure	2.2	mmol/L	Nam 1.7–9.2 Nữ 1.7–8.3
Creatinin	66	μmol/L	Nam 25–120 Nữ 20–100
Cholesterol	5.56	mmol/L	≤ 5.2
Triglycerid	1.45	mmol/L	≤ 1.7
AST (GOT)	24	U/L	≤ 37
ALT (GPT)	36	U/L	≤ 40
* Xét nghiệm nước tiểu:			
Nước tiểu	Kết quả	Đơn vị	Bình thường
Đường niệu	Âm tính	mg/dL	Âm tính
Protein niệu	Âm tính	mg/dL	Âm tính
Hồng cầu niệu	Âm tính	Ery/uL	Âm tính
Bạch cầu niệu	500	Leu/uL	Âm tính
b) Đánh giá: Cholesterol tăng Nước tiểu có Bạch cầu niệu			

- Mạch nhanh: Làm điện tâm đồ lúc nghỉ, nếu mạch còn nhanh đề nghị khám chuyên khoa tim mạch, nội tiết.
- Hai mắt rối loạn điều tiết: Điều chỉnh tầm nhìn hợp lý, tránh giảm thị lực.
- Tai trong hai bên nghe thì thầm, một bên tai 4 cm, tai bên kia 2 cm: Khám và điều trị theo chuyên khoa Tai- Mũi- Họng.
- Viêm quanh lỗ cổ tử cung/ Biến đổi tế bào do viêm mức độ vừa: Điều trị bệnh phụ khoa theo chuyên khoa Sản. Khuyến nghị khám Phụ khoa hàng quý.
- Thừa cân/ Gan nhiễm mỡ độ II/ Cholesterol tăng: Cần kiểm soát cân nặng, tăng cường vận động, luyện tập thể dục thể thao phù hợp hàng ngày. Điều chỉnh chế độ ăn giảm mỡ, hạn chế phủ tạng động vật, đồ chiên rán, thực phẩm chế biến sẵn, hạn chế bia, rượu, thuốc lá, nước ngọt. Khuyến nghị khám Siêu âm ổ bụng hàng quý.
- Nước tiểu có Bạch cầu niệu: Khuyến nghị xét nghiệm Bạch cầu niệu hàng quý.

nội, ngày 12 tháng 07 năm 2019
 KẾT LUẬN
 CHAI NHANH CÔNG TY
 CP DỊCH VỤ Y TẾ
 TẠI THÀNH PHỐ
 BS. Tạ Thị Kim Bông

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐINH THỊ THẨM			
2. Giới tính:		Nam ☐ Nữ ☒	
3. Sinh ngày	06	tháng	02 năm 1983 (Tuổi 42)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD:			037183010282
5. Cấp ngày:		tại:	
6. Chỗ ở hiện tại:			
Số điện thoại liên hệ:		0936423269	

7. Nghề nghiệp: Giám đốc

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM**

Lô J-3&4, khu công nghiệp Thăng Long, Xã Thiên Lộc, Hà Nội, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu làm việc tại đơn vị hiện nay: 10/03/2008

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, từ thời điểm gần nhất):

thời gian làm việc: năm tháng từ ngày / / đến / /

thời gian làm việc: năm tháng từ ngày / / đến / /

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: \

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a) Mô đẻ	2010, 2012	a)	
b) Thiếu canxi, máu	2000	b)	
c) Viêm đại tràng mãn tính		c)	

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2025

Người lao động xác nhận



ĐÌNH THỊ THẨM

Người lập sổ KSK định kỳ

LÊ THỊ HẰNG



Số:...../GKSK-VP

X-Q

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



Tên đơn vị: Công ty TNHH Hợp Glas Dista Việt Nam II
1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN MI KIM DUYỄN
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Số điện thoại:.....
3. Sinh Ngày: 09 tháng 11 năm 2003 (Tuổi:.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/danh CD: 0.3.7.3.03.00 17.17
5. Cấp ngày:/...../..... Tại:.....
6. Chỗ ở hiện tại:.....
7. Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		☒	13	Bệnh tâm thần		☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		☒	15	Ngất, chóng mặt		☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		☒	16	Bệnh tiêu hóa		☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		☒
7	Tăng huyết áp		☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		☒
8	Khó thở		☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		☒
10	Bệnh thận, lọc máu		☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		☒
11	Nghiện rượu, bia		☒	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, ngày 09 tháng 10 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Duyệt

I. KHÁM THẺ LỤC

- Chiều cao: 150 Cm; - Cân nặng: 54 Kg; - Chỉ số BMI: 24,00
 - Mạch: 74 Làn/phút; - Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thẻ lục: III

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	Bình thường	B
Phân loại	I	
b) Hô hấp	Bình thường	B
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa	Bình thường	B
Phân loại	I	
d) Thận-Tiết niệu	Bình thường	B
Phân loại	I	
e) Nội tiết	Bình thường	B
Phân loại	I	
f) Cơ - xương - khớp	Bình thường	B
Phân loại	I	
g) Thần kinh	Bình thường	B
Phân loại	I	
h) Tâm thần	Bình thường	B
Phân loại	I	
2. Ngoại khoa, Da liễu:		Bs Bùi Đăng Chinh
- Ngoại khoa:	Bình thường	
Phân loại:	I	BSCKI Nguyễn Thị Hoàn
- Da liễu:	Bình thường	
Phân loại:	I	
3. Sản phụ khoa:		BSCKI Dương Thị Lan
Phân loại:	I	
4. Mắt:		B
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 3/100 Mắt trái: 5/100		
Có kính: Mắt phải: 10/100 Mắt trái: 10/100		
Các bệnh về mắt (nếu có): - 1.25D - 0.75D		
Phân loại: 2M Cận thị II		BSCKI Dương Thị Lan
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường: 1/5 m; Nói thầm: 10.5 m		
Tai phải: Nói thường: 1/5 m; Nói thầm: 10.5 m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường		
Phân loại: I		

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên: Rb dưới
 Hàm dưới: Rb dưới
 Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):
 Phân loại: I
 BSCK Lê Thị Liên

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu:	B
Số lượng HC: 4.87; Số lượng Bạch cầu: 7.1; Số lượng tiểu cầu: 279	
b) Sinh hóa máu:	
Đường máu: 4.8; Urê: 3.2; Creatinin: 7.5	
ASAT(GOT): 17; ALAT (GPT): 10	BSCK: Đặng Thị Toy
c) Khác (nếu có):	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường: âm tính; b) Protein: âm tính	B
c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Bình thường	
BSCK: Đỗ Quốc Tuấn	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại III
 2. Các bệnh, tật (nếu có):
 - Thể lực thấp
 - Hai mắt cận thị
 Cận - Đo kính đúng số

Hưng Yên, ngày 04 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN



CHỖ ĐÓNG CHỈ NHÁNH
 BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



CÔNG TY TNHH CHĂM SÓC SỨC KHỎE
VIỆT PHÁP – CHI NHÁNH PHÒNG
KHÁM ĐA KHOA VIỆT PHÁP II

Số:...../GKSK-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

X-RAY

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): Nguyễn Thị Chiên
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Số điện thoại: 0828.93.4949
3. Sinh ngày: 01 tháng 02 năm 1984 (Tuổi: 41)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001184047581
5. Cấp ngày: 28/03/2025 Tại: Cục trưởng Cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Thỏ Ốc xã Trần Hưng Lý nhân Bình

7. Lý do khám sức khỏe: Xin vào làm việc tại Công ty TNHH Hoya Glass disk Việt Nam II
Lô A9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		✓	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		✓
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		✓	13	Bệnh tâm thần		✓
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		✓	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		✓
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác		✓	15	Ngất, chóng mặt		✓
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		✓	16	Bệnh tiêu hóa		✓
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		✓	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		✓
7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn
đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, ngày 30 tháng 10 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chiên
Nguyễn Thị Chiên

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 149 Cm; - Cân nặng: 51 Kg; - Chỉ số BMI: 22.97
- Mạch: 78 Lần/phút; - Huyết áp: 114 mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa	Tuần hoàn	TS.BS. Đặng Lịch BS Bùi Đăng Chính BSCK. Phạm Khánh Đức BS. Dương Văn Bình

6. Răng - Hàm - Mặt	BSCK Lê Thị Liên	
Kết quả khám:		Hàm trên: Hàm dưới: Mát 26.46
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại: I		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ	
1. Xét nghiệm máu: ✓ a) Công thức máu: Số lượng HC: 4.34; Số lượng Bạch cầu: 6.8; Số lượng tiểu cầu: 278. b) Sinh hóa máu: Đường máu: 10.7; Urê: 3.2; Creatinin: 62. ASAT(GOT): 16; ALAT (GPT): 12. c) Khác (nếu có):	BSCK: Đặng Thị Lý	
2. Xét nghiệm nước tiểu: ✓ a) Đường: 250 mg/dL; b) Protein (-) Âm tính c) Khác (nếu có):		BSCK: Đặng Thị Lý
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Bình thường		

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại III

2. Các bệnh, tật (nếu có): - Thể lực thấp
- Mất 02 răng
Đường máu tăng, đái niệu

Cari - phục hình răng mất
nhìn an sạ xét nghiệm lại đg máu, urê niệu

Hưng Yên, ngày 5 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH

CHĂM SÓC SỨC KHỎE

CHI NHÁNH

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

VIỆT-PHÁP II

H. VŨN MỸ - T. HƯNG YÊN



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): TRẦN THỊ KHÁNH LY
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Số điện thoại: 0979 254 673
3. Sinh ngày: 24 tháng 09 năm 1982 (Tuổi: 44)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033182001682
5. Cấp ngày: 16/01/2022 Tại: Cục CS
6. Chỗ ở hiện tại: Thuận xuyên phường Đường Hào Tỉnh Hưng Yên
7. Lý do khám sức khỏe: Xin vào làm việc tại Công ty TNHH Hoya Glass disk Việt Nam II

Lô A9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		☒	13	Bệnh tâm thần		☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính bằng		☒	15	Ngất, chóng mặt		☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		☒	16	Bệnh tiêu hóa		☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		☒
7	Tăng huyết áp		☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		☒
8	Khó thở		☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		☒
10	Bệnh thận, lọc máu		☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		☒
11	Nghiện rượu, bia		☒	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, ngày 30 tháng 10 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ly
Trần Thị Khánh Ly

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 157 Cm; - Cân nặng: 55 Kg; - Chỉ số BMI: 22,31
- Mạch: 78 Lần/phút; - Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa		TS.BS. Đặng Lịch BS Bùi Đăng Chính BSCK. Phạm Khánh Dư BS. Dương Văn Bình
	Tuần hoàn	
a) Phân loại	I	
b) Hô hấp	Bình thường	
	Phân loại	
c) Tiêu hóa	Bình thường	
	Phân loại	
d) Thận-Tiết niệu	Bình thường	
	Phân loại	
đ) Nội tiết	Kiểm glucose do bệnh cơ đái tháo	
	Phân loại	
e) Cơ - xương - khớp	Bình thường	
	Phân loại	
g) Thần kinh	Bình thường	
	Phân loại	I
h) Tâm thần	Bình thường	
	Phân loại	I
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:		Bình thường
Phân loại:		I
- Da liễu:		Bình thường
Phân loại:		I
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10		BÁC SĨ Nguyễn Thị Hòa
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:		
Các bệnh về mắt (nếu có): 2 M: Bình thường		
Phân loại: I		
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		BS. Dương Văn Bình
Tai trái: Nói thường: 1/5 m; Nói thầm: 10/15 m		
Tai phải: Nói thường: m; Nói thầm: m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường		
Phân loại: I		

6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám:	Hàm trên: Bình thường Hàm dưới:
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	Bình thường
Phân loại:	I
BSCK Lê Thị Liên	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu:	
Số lượng HC: 4,64; Số lượng Bạch cầu: 6,1; Số lượng tiểu cầu: 265.	
b) Sinh hóa máu:	
Đường máu: 5,6; Urê: 4,0; Creatinin: 69	BSCK: Đặng Thị Tuyền
ASAT(GOT): 18; ALAT (GPT): 13	
c) Khác (nếu có):	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường: (-) Âm tính; b) Protein (-) Âm tính	BSCK: Đặng Thị Tuyền
c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	Bình thường
	BSCKI. Đoàn Xuân Thiệp

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có): Kiểm soát do bệnh cơ đái tháo

Cẩn thận ck nội tiết đái

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



TB

HY20111161



- | Tên bệnh | Phát hiện năm | Tên bệnh nghề nghiệp | Phát hiện năm |
|----------|---------------|----------------------|---------------|
| a) | | a) | |
| b) | | b) | |
| c) | | | |
| d) | | | |

~~2/8~~

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Thủy

1. The first step is to identify the problem or question that needs to be answered. This involves understanding the context and the specific requirements of the task.

2. The second step is to gather relevant information and data. This can involve research, consultation with experts, or collecting data from various sources.

3. The third step is to analyze the information and data collected. This involves identifying patterns, trends, and relationships that can help in understanding the problem.

4. The fourth step is to develop a solution or answer. This involves applying the knowledge and skills gained from the previous steps to create a response that addresses the problem.

5. The fifth step is to evaluate the solution or answer. This involves checking the results against the original problem and requirements to ensure that the solution is effective and accurate.

6. The sixth step is to communicate the solution or answer. This involves presenting the findings in a clear and concise manner that is easy for others to understand.

7. The seventh step is to reflect on the process. This involves thinking about what was learned from the experience and how it can be applied to future problems.

8. The eighth step is to seek feedback. This involves asking others for their thoughts and suggestions on the solution and the process used to develop it.

9. The ninth step is to implement the solution. This involves putting the solution into practice and monitoring its effectiveness over time.

10. The tenth step is to review the results. This involves evaluating the outcomes of the implementation and making any necessary adjustments to improve the solution.

BSCK: DUONG VAN BINH

Λ-Καγ υς



I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

~~Đine~~, 2016, 2019, 2021, nđđđ.

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☒
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☒
- Đã lập gia đình : Có ☒ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☒ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☒

Chiều cao:160.....cm; Cân nặng:58..... kg; Chỉ số BMI:22,65.....
Mạch:72.....lần/phút; Huyết áp:110..... /70..... mmHg
Phân loại thể lực:1.....

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	
b) Hô hấp:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	
d) Thận-Tiết niệu:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	
đ) Nội tiết:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	
e) Cơ-xương-khớp:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	
g) Thần kinh:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	
h) Tâm thần:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:	198' 2016, 2019, 2021	<i>[Signature]</i>
Phân loại	IV	
- Da liễu:	Bình thường	<i>[Signature]</i>
Phân loại	I	



- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

BSCKI. Nguyễn Thị Ngọc Lan

BÁC SĨ
Nguyễn Thị Hoa

BS. Đỗ Tiến Lâm

Lương Ngọc Thùy

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

John's name

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 173 cm; Cân nặng: 76 kg; Chỉ số BMI: 25.17
Mạch: 71 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: II

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn: Phân loại	Bình thường I	
b) Hô hấp: Phân loại	Bình thường I	
c) Tiêu hóa: Phân loại	Bình thường I	 BS CKI Hoàng Thị Nga
d) Thận-Tiết niệu: Phân loại	Bình thường I	
đ) Nội tiết: Phân loại	Bình thường I	
e) Cơ-xương-khớp: Phân loại	Bình thường I	
g) Thần kinh: Phân loại	Bình thường I	
h) Tâm thần: Phân loại	Bình thường I	

- Ngoại khoa:.....
Phân loại
- Da liễu:.....
Phân loại
3. Sản phụ khoa:.....
- Kết quả khám:.....
- Phân loại:.....

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/100 Mắt trái: 10/100
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có):
- Phân loại:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m
Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:..... *Bình thường*.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):.....
- Phân loại:..... *P*..... Bs.

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh: - X-Quang tim phổi thẳng:..... - Siêu âm ổ bụng:..... - Siêu âm tuyến giáp:.....	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
--	--

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	5,1	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	5,56	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	15,1	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	231	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	6.2	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	5.6	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	97	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4.3	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	3.90	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	30	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	23	U/L	0 – 40

Đường: **(-) Âm tính** Protein: **(-) Âm tính**
 Khác (Nếu có):

b) Đánh giá: Mô mẫu tăng (T: 3,90)
Gan nhũn mỡ

1. Phân loại sức khỏe:.....Loại III.....

2. Các bệnh, tật (nếu có): - Phế' lực thừa cân - gan nhiễm mỡ

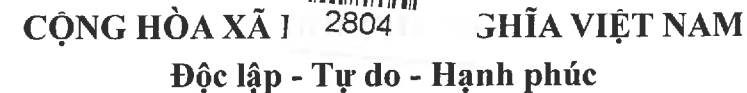
- Nhíp mìn không đẹp
- Viêm nang lông (còn lại vài?)
- Mũi mới tăng

Cần - Ăn giảm đồ béo, luyện tập thể thao để giảm cân.
- tham dự các buổi tập thể dục.
- Nên ăn sáng để ngăn ngừa lại mỡ máu.

Hưng Yên, ngày.....tháng 07 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



HY20240448

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Ho và tên (*chữ in hoa*): **NGUYỄN VĂN TUYẾN**

2. Giới tính:	Nam	☒	Nữ	☐
---------------	-----	-------------------------------------	----	--------------------------

3. Sinh ngày: **15 tháng 08 năm 1995** (Tuổi: **30**)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001095032602

5. Cấp ngày: **10/07/2021** Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: Duyên Yên - Hồng Thụ - Phú Xuân - HN.

Số điện thoại liên hệ: **0966049583**

7. Nghề nghiệp: **Trợ giúp trưởng dây chuyền**

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: **26/02/2024**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)
 thời gian làm việc năm tháng từ ngày / / đến / /

b)
 thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Tuyền

Hưng Yên, ngày 09 tháng 07 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

NguyễnThị Thủy

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

khỏe' mạnh

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : ☒ Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☒ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? ☒ Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 162 cm; Cân nặng: 71 kg; Chỉ số BMI: 27,05
Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 120/80 mmHg
Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Nhịp tim không đều, T.T. rõ	
Phân loại: II	
b) Hô hấp: Bình thường	
Phân loại: I	
c) Tiêu hóa: Bình thường	
Phân loại: I	
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường	BS. Phạm Thị Hằng
Phân loại: I	
đ) Nội tiết: Bình thường	
Phân loại: I	
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường	
Phân loại: I	
g) Thần kinh: Bình thường	
Phân loại: I	
h) Tâm thần: Bình thường	
Phân loại: I	

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa: khỏe' mạnh
Phân loại: Vùng nang lông
- Da liễu: khỏe' mạnh
Phân loại: khỏe' mạnh

3. Sản phụ khoa: / Chưa cho

- Kết quả khám: khỏe' mạnh
- Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 20/20 Mắt trái: 20/20
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

Các bệnh về mắt (nếu có): Bình thường

Phân loại: 2

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10 m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Bình thường

+ Hàm dưới: Bình thường

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Hiện ảnh gan nhiễm mỡ

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

BSCKI

Phong

BSCKI. Nguyễn Thị Cẩm Tú

BS. Hoàng Đức Long

TÁC SI
Phong

BS. Đỗ Tiến Sơn

BSCKI. Dương Tuyết Lan

Họ tên và chữ ký của

Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Trần Xuân Kiều

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



1. Họ và tên (chữ in hoa): **DƯƠNG THỊ TUYẾT**
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh ngày **23** tháng **02** năm **1993** (Tuổi: **32**)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: **033193005935**
5. Cấp ngày: **13/02/2025** Tại: Bộ công an
6. Chỗ ở hiện tại: **Đài 7 - Thôn 3 - Trại Việt Vương - Hưng Yên**
Số điện thoại liên hệ: 0862706656

Đã chụp Xquang

7. Nghề nghiệp: **Công nhân Canteen**
8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**
Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: **01/08/2025**
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a)
thời gian làm việcnăm.....tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....
b)
thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: **Không**
12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a) Không		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Tuyết

Dương Thị Tuyết

Hưng Yên, ngày **11** tháng **11** năm **2025**

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thủy

Nguyễn Thị Thủy

* Xét nghiệm máu:

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	8,8	10 ⁹ /L	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4,73	10 ¹² /L	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	13,9	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	221	10 ³ /μL	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	5,1	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	5,4	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	68	μmol/L	53 - 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4,4	μmol/L	3.9 - 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	1,59	μmol/L	0.46 - 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	20	U/L	0 - 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	17	U/L	0 - 40

* Xét nghiệm nước tiểu:

Đường: **(-) Âm tính** Protein: **Song lal**
Khác (Nếu có): **Hồng cầu: 10 Eryul**
b) Đánh giá: **Nặng thủy gạo**

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: **Loại III**
2. Các bệnh, tật (nếu có): **Thiếu lực thấp**
Vein amdal man
Nặng thủy gạo
Cari- máu hồng cầu màu sẫm đỏ
Nặng thủy gạo

Hưng Yên, ngày **11** tháng **11** năm **2025**

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký và ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

khỏe mạnh

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14.....
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 2-3 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không ☒
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa ☐
- PARA : 2 0 1 2
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Đặt vòng M. Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 150 cm; Cân nặng: 51 kg; Chỉ số BMI: 22,66
 Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 110 / 80 mmHg
 Phân loại thể lực: II

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại: I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại: I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại: I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại: I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại: I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại: I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại: I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại: I 2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình thường Phân loại: I - Da liễu: Bình thường Phân loại: I	BS. Lê Thị Dung BS. Bùi Đăng Chính BSCKI Nguyễn Thị Hà

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không khám Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: không thấy tế bào ác tính Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): Mày mắt Hg

- Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm Amidan mạn

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Chụp R36

+ Hàm dưới: T. Sụn men

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Ngay đây (Đ. Nguyễn giáp)

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Phan Văn An

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Được uống

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày ☐ Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : ☐ Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 1.76 cm; Cân nặng: 70 kg; Chỉ số BMI: 22.59
Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
146. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
b) Hô hấp: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
c) Tiêu hóa: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
d) Thận-Tiết niệu: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
đ) Nội tiết: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
e) Cơ-xương-khớp: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
g) Thần kinh: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
h) Tâm thần: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	<i>BS. Lương Tuấn Đạt</i>

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa: *Bình thường*
Phân loại *I*
- Da liễu: *Bình thường*
Phân loại *I*

3. Sản phụ khoa:

- Kết quả khám: *KHÔNG KHÁM*
- Phân loại:

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: *8/10* Mắt trái: *8/10*
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có): *Không*
Phân loại: *I*

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:
Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m
Tai phải: Nói thường: *15*m; Nói thầm: *10/15*m
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): *Viêm họng mạn*
- Phân loại: *I*

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên:
+ Hàm dưới: *S1 R21 S2 R27, môn có R44*
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):
- Phân loại: *I*

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:
pppppp) Kết quả: * *Chẩn đoán hình ảnh:*
HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG
- X-Quang tim phổi thẳng:
- Siêu âm ổ bụng: *Bình thường*
- Siêu âm tuyến giáp: *Bình thường*

Bs Bùi Đăng Chính
BSCKI Nguyễn Thị Hàn
Bs. Nguyễn Thị Yến
BS. Đỗ Tiến Sơn
Phạm Ngọc Thùy

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa
BSCKI Đoàn Xuân Hiếu

Julio mach.

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 165 cm; Cân nặng: 73 kg; Chỉ số BMI: 26,81
Mạch: 72 lần/phút; Huyết áp: 120/80 mmHg
Phân loại thể lực: III

... Các b
... - Phan
... 5. Tai
... - Kết q

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa:.....
Phân loại
- Da liễu:.....
Phân loại

- Kết quả khám:.....KHÔNG KHÁM

- Phân loại:.....

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải:.....Mắt trái:
Có kính: Mắt phải:.....Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): 100 (m. cận thị) - 4/5

- Phân loại: D

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m
Tai phải: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):
 - Phân loại:

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):.....
- Phân loại:.....

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: qqqqqq) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
- X-Quang tim phổi thẳng:		
- Siêu âm ổ bụng:		
- Siêu âm tuyến giáp:		

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	610	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	5.16	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	141.3	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	221	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	410	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	710	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	88	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	418	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	1145	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	31	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	21	U/L	0 – 40

Đường: ☒ Âm tính Protein: ☒ Âm tính

Khác (Nếu có):.....

giá: Bình thường

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có): - R36, nguy hại tử

Carb - cheis m. ok kungs

Hưng Yên, ngày: 24 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 480

HY20251293

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (chữ in hoa): **ĐẶNG QUANG HUẤN**

X-RAY

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh ngày: **30 tháng 07 năm 2007 (Tuổi: 18)**

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 008207007017

5. Cấp ngày: **21/04/2022** Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: Văn phòng / Tân Việt / KM1 Hùng Cường

Số điện thoại liên hệ: 0386976557

7. Nghề nghiệp: Công nhân Canteen

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: **12/08/2025**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)
 thời gian làm việc năm tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

b)
 thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đặng Công Huân

Đặng Quang Huân

Hưng Yên, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Thủy



2020. g. 2. m. 2. dienā.

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 169 cm; Cân nặng: 55 kg; Chỉ số BMI: 19.25
Mạch: 92 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg
Phân loại thể lực: I

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
148. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn: <i>Bình thường</i>		<i>[Signature]</i>
Phân loại <i>I</i>		<i>[Signature]</i>
b) Hô hấp: <i>Bình thường</i>		<i>[Signature]</i>
Phân loại <i>I</i>		<i>[Signature]</i>
c) Tiêu hóa: <i>Bình thường</i>		<i>[Signature]</i> BSCKI
Phân loại <i>I</i>		<i>Hồng Chi Nga</i> <i>[Signature]</i>
d) Thận-Tiết niệu: <i>Bình thường</i>		<i>[Signature]</i>
Phân loại <i>I</i>		<i>[Signature]</i>
đ) Nội tiết: <i>Bình thường</i>		<i>[Signature]</i>
Phân loại <i>I</i>		<i>[Signature]</i>
e) Cơ-xương-khớp: <i>Bình thường</i>		<i>[Signature]</i>
Phân loại <i>I</i>		<i>[Signature]</i>
g) Thần kinh: <i>Bình thường</i>		<i>[Signature]</i>
Phân loại <i>I</i>		<i>[Signature]</i>
h) Tâm thần: <i>Bình thường</i>		<i>[Signature]</i>
Phân loại <i>I</i>		<i>[Signature]</i>

- Ngoại khoa:.....
Phân loại
- Da liễu:.....
Phân loại

- Kết quả khám:..... **KHÔNG KHÁM**
 - Phân loại:.....

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 2/10 Mắt trái: 2/10
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có): Không
- Phân loại: P

Kết quả khám thính lực:

Tai trái:	Nói thường:.....m;	Nói thầm:.....m
Tai phải:	Nói thường:.....m;	Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

- Phân loại:

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):.....
- Phân loại:.....

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: rrrrrr) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh: - X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG - Siêu âm ổ bụng: <i>Bình thường</i> - Siêu âm tuyến giáp: <i>Tuyến giáp bình thường</i> 	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa <i>[Chữ ký]</i> BSCVL Đoàn Xuân Hiền
--	--

Kheer maal

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 167 cm; Cân nặng: 79 kg; Chỉ số BMI: 28,32
Mạch: 92 lần/phút; Huyết áp: 120/80 mmHg
Phân loại thể lực: IV

Phân
5/2
Kết

2. Ngoại khoa, Da liễu:

Bình Thường

- Ngoại khoa:.....
 Phân loại
 - Da liễu:.....
 Phân loại

Bs Bùi Đăng Chính
BSCCL Nguyễn Thị Cẩm Tú

KHÔNG KHÁM

- Kết quả khám:.....KHÔNG KHAM.....

- Phân loại:.....

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: Mắt trái:
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có):
- Phân loại:


 Bs. Nguyễn Thị Yến

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m
Tai phải: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

- Phân loại:

BS. Giảng A Phụng

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):..... **Bình thường**
- Phân loại:..... **I**

BS. Đỗ Thị Bình Minh

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

ssssss) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: Hình ảnh tim phổi bình thường

- Siêu âm ổ bụng: Hình ảnh gan, thận, mật

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

khi . .	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
	
	
	
	

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 20 ngày Lượng kinh : 4 ngày
- Đau bụng kinh : ☒ Có ☐ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 2 0 1 2
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Dùng vòng TC ☐ Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 149 cm; Cân nặng: 51 kg; Chỉ số BMI: 22,97
 Mạch: 75 lần/phút; Huyết áp: 110 / 80 mmHg
 Phân loại thể lực: IV

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại: I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại: I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại: I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại: I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại: I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại: I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại: I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại: I	BS CKI Hoàng Thị Nga
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Không thấy nốt ruồi Phân loại: I - Da liễu: Bình Thường Phân loại: I	BS Bùi Đăng Chinh BSCKI Nguyễn Thị Cẩm Tú

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Day 10 kinh M2 → Bình thường
 Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 1/50 Mắt trái: 1/50

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): 2m b. thường

- Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 1/5 m; Nói thầm: 1/0,5 m

Tai phải: Nói thường: 1/5 m; Nói thầm: 1/0,5 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm họng, viêm mũi

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: 16 răng còn lại
 + Hàm dưới: 16 răng còn lại

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của

Bác sỹ chuyên khoa

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Nguyễn Thị Yến

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Chưa mắc

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

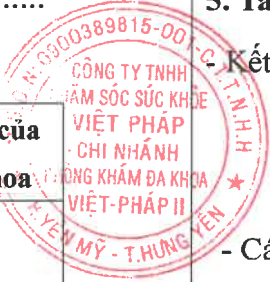
- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày ☐ Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : ☐ Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 169 cm; Cân nặng: 78 kg; Chỉ số BMI: 27,30
Mạch: 75 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
150. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn:	
Phân loại	
b) Hô hấp:	
Phân loại	
c) Tiêu hóa:	
Phân loại	
d) Thận-Tiết niệu:	
Phân loại	
đ) Nội tiết:	
Phân loại	
e) Cơ-xương-khớp:	
Phân loại	
g) Thần kinh:	
Phân loại	
h) Tâm thần:	
Phân loại	



2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa: Bình thường
Phân loại I
- Da liễu: Bình thường
Phân loại I

3. Sản phụ khoa:

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
- Phân loại:

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 20/40 Mắt trái: 20/40
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có): Lm suy mi' ch' I (C)
- Phân loại: II

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:
Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m
Tai phải: Nói thường: 15m; Nói thầm: 10,5m
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm Amidan mạn
- Phân loại: II

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: 10,1 chún R4,8
+ Hàm dưới:
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):
- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:
tttttt) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:
- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG
- Siêu âm ổ bụng: hình ảnh gan nhiễm mỡ
- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

Bs Bùi Đăng Chính
BSCKI Nguyễn Thị Hân
Bs. Nguyễn Thị Yến
BS. Đỗ Tiến Long
Bs. Phạm Ngọc Chính
BSCKI Đoàn Xuân Hiếu

the man

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14.....

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☒ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 3 ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☒

- Đã lập gia đình : Có ☒ Chưa ☐

- PARA : 2 0 0 2

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Đặt IUD TT. Không ☒

Chiều cao: 160 cm; Cân nặng: 61 kg; Chỉ số BMI: 23,82
Mạch: 71 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: II

Bs. Bùi Đăng Chính
BSCKL Nguyễn Thị

Bình thường

- Kết quả khám:.....Phân loại:.....

Bình thường

- Kết quả khám:..... Bình thường Phân loại: 1

- Kết quả khám:..... Ty. làm r. 55 Phân loại: T.....

- Kết quả khám:.....Không khám.....Phân loại:.....

- Kết quả khám:.....không khám.....Phân loại:.....

- Kết quả khám:.....*Không khám*.....Phân loại:.....

- Kết quả khám:..... Bình thường Phân loại: 1

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có):.....

- Phân loại:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m

Tai phải: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....*Bình thường*.....

- Phân loại:

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):.....

- Phân loại:.....

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng:..... **HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG**

.....

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

10

Stylen âm tuyến giới: Đông thành (P) tuyến rốn

- Số lần tuyên giáo.....

.....

- Siêu âm tư cung – phần phụ (nếu có):

**Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa**

Her

BSCCL Đoàn Xuân Hiếu

.....

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày
 Lượng kinh : 4 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 2012
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☒ Ghi rõ: Chưa
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☒ Ghi rõ: Đặt vòng TT Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 150 cm;
 Cân nặng: 48 kg;
 Chỉ số BMI: 21,33

Mạch: 72 lần/phút;
 Huyết áp: 120 / 80 mmHg

Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại: I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại: I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại: I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại: I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại: I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại: I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại: I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại: I 2. Ngoại khoa, Da liễu: I - Ngoại khoa: Bình thường Phân loại: I - Da liễu: Bình thường Phân loại: I	BS. Lê Thị Dung BS. Bùi Đăng Chính BSCKT. Nguyễn Thị Hàn

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Đang kinh Nguyệt N2 - TV
 Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không khám
 Phân loại:

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không khám
 Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: Không khám
 Phân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 2/40 Mắt trái: 2/40

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

Các bệnh về mắt (nếu có): MĐT: Bướu H5

- Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm: m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên:

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKT. Đoàn Xuân Hiếu

HY20251300

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525

2020-05-26

Nguyễn Thị Thủy

PK VIỆT PHÁP

BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Mổ đẻ 2008, 2012

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 17
- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều: ☒
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : 5 ngày
- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☒
- Đã lập gia đình : Có ☒ Chưa ☐
- PARA : 2003
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☒ Ghi rõ: Mổ đẻ 2008, 2012 Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☒

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 152cm; Cân nặng: 67kg; Chỉ số BMI: 28,99
 Mạch: 71lần/phút; Huyết áp: 110 / 70mmHg
 Phân loại thể lực: IV

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại I	BS. Lê Thị Dung BS. Bùi Đăng Chính BSCKI Nguyễn Thị Hân
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Mổ đẻ 2008, 2012 Phân loại II - Da liễu: Bình thường Phân loại I	BS. Nguyễn Thị Hân

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Sao mổ đẻ? Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Tử cung KSSS Phân loại: II

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không đau Phân loại:

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không đau Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: Không đau Phân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: Mắt trái:

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có):

- Phân loại:

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15m; Nói thầm: 10,5m

Tai phải: Nói thường: 15m; Nói thầm: 10,5m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên:

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chân đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường Hô hấp gan như mô

- Siêu âm tuyến giáp: Nang thùy (P) tuyến giáp

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Đoàn Xuân Hiền

three mal

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 160 cm; Cân nặng: 76 kg; Chỉ số BMI: 29,68
Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg
Phân loại thể lực: IV

CÔNG TY TNHH
 CHĂM SÓC SỨC KHỎE
 VIỆT PHÁP
 - CHI NHÁNH
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
 VIỆT-PHÁP II
 H. YÊN MỸ - T. THUNG YÊN

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
151. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn:	Bình thường I	
Phân loại		
b) Hô hấp:	Bình thường I	
Phân loại		
c) Tiêu hóa:	Bình thường I	
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu:	Bình thường I	
Phân loại		
đ) Nội tiết:	Bình thường I	
Phân loại		
e) Cơ-xương-khớp:	Bình thường I	
Phân loại		
g) Thần kinh:	Bình thường I	
Phân loại		
h) Tâm thần:	Bình thường I	
Phân loại		
		BS. Lương Tuấn Đạt

- Ngoại khoa:.....*Bình thường*
 Phân loại*I*

- Da liễu:.....*Bình thường*
 Phân loại*I*

- Kết quả khám:..... **KHÔNG KHÁM**.....

- Phân loại:.....

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 1/10 Mắt trái: 1/10
 Có kính: Mắt phải: 1/10 Mắt trái: 1/10
 - Các bệnh về mắt (nếu có): - viêm - viêm
 - Phân loại: II III

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m

Tai phải: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

- Phân loại:

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:..... *Bình thường*
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):..... *Bình thường*
- Phân loại:.....

uuuuuu) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

.....

- Siêu âm ổ bụng: *Bình thường*

.....

- Siêu âm tuyến giáp: *Bình thường*

.....

**Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa**

BSCKL Đoàn Xuân Kiên

* Xét nghiệm máu:

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	101	10 ⁹ /L	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4195	10 ¹² /L	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	1416	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	171	10 ³ /μL	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	7.8	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	5.4	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	93	μmol/L	53 - 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	5.16	μmol/L	3.9 - 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	2.10	μmol/L	0.46 - 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	19	U/L	0 - 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	10	U/L	0 - 40

* Xét nghiệm nước tiểu:

Đường: 1.7 mmol/L Protein: 1.2 g/L

Khác (Nếu có):

wwwww) Đánh

giá: Dương mai tăng 7.8

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có):

- Dương mai tăng

Cao - nhìn ăn sẽ xét nghiệm lại đj mai

Hưng Yên, ngày 11 tháng 11 năm 2025



NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH



115476

PK VIỆT PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 488

HY20251303

Đã chụp Xquang

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (chữ in hoa): HOÀNG VĂN QUYNH

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh ngày: 29 tháng 06 năm 1987 (Tuổi: 38)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033087007000

5. Cấp ngày: 10/08/2021 Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Đạm Kim - Xã Văn Cường - Tỉnh Hưng Yên

Số điện thoại liên hệ: 0869181078

7. Nghề nghiệp: Công nhân Canteen

8. Nơi công tác, học tập: CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: 12/08/2025

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) thời gian làm việcnăm.....tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

b) thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Quynh
Hoàng Văn Quynh

Hoàng Văn Quynh

Hưng Yên, ngày 11 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thủy
Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy

the man

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

[illegible]

BS. *Lê Thị Dung*

liều: Bình thường

.....
Bs. Bùi Đăng Chính

anh thường

BSCKI. Nguyễn Thị Hương

KHÔNG KHÁM

Not both H₀

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

BSCK1. Phan Văn Khoa

BS. Đỗ Thị Bình Minh

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 20 ngày Lượng kinh : 3 ngày
- Đau bụng kinh : ☒ Có ☐ Không
- Đã lập gia đình : ☐ Có ☐ Chưa
- PARA : 2-0-0-1
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Không ☒

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 151 cm; Cân nặng: 58 kg; Chỉ số BMI: 25,43
 Mạch: 72 lần/phút; Huyết áp: 120/80 mmHg
 Phân loại thể lực: II

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại b) Hô hấp: Bình thường Phân loại c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại g) Thần kinh: Bình thường Phân loại h) Tâm thần: Bình thường Phân loại	BSCKI Hoàng Thị Nga BSCKI Nguyễn Thị Cẩm Tú
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình Thường Phân loại - Da liễu: Bình Thường Phân loại	BS Bùi Tăng Chính BSCKI Nguyễn Thị Cẩm Tú

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại:

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 9/10 Mắt trái: 9/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có):

- Phân loại:

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm: m

Tai phải: Nói thường: m; Nói thầm: m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

- Phân loại:

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: + Hàm dưới:

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại:

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng:

- Siêu âm tuyến giáp:

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI Trần Xuân Hiếu

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày ☐ Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : ☐ Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 155 cm; Cân nặng: 60 kg; Chỉ số BMI: 24.97
Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 110 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
153. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
b) Hô hấp: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
c) Tiêu hóa: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
d) Thận-Tiết niệu: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
đ) Nội tiết: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
e) Cơ-xương-khớp: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
g) Thần kinh: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	
h) Tâm thần: <i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại <i>I</i>	<i>BS. Lương Tuấn Đạt</i>

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa: *Bình thường*
Phân loại *I*
- Da liễu: *Bình thường*
Phân loại *I*

3. Sản phụ khoa:

- Kết quả khám: *KHÔNG KHÁM*
- Phân loại:

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: *20/40* Mắt trái: *20/40*
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): *2m B.Hương*
- Phân loại: *2*

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:
Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m
Tai phải: Nói thường: *15*m; Nói thầm: *10,5*m
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): *Bình thường*
- Phân loại: *I*

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên:
+ Hàm dưới: *mất R27, R47 & tuỷ*
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):
- Phân loại: *2*

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:
wwwwww) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:
- X-Quang tim phổi thẳng: *HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG*
- Siêu âm ổ bụng: *Hình ảnh gan nhiễm mỡ độ 1*
- Siêu âm tuyến giáp: *Bình thường*

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Đoàn Xuân Kiên

Khoe' mal

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 167 cm; Cân nặng: 60 kg; Chỉ số BMI: 21,51
Mạch: 75 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg
Phân loại thể lực: I

**CÔNG TY TNHH
CHĂM SÓC SỨC KHỎE
VIỆT PHÁP**
- CHI NHÁNH
PHÒNG KHÁM DA KHOA
VIỆT-PHÁP II

- Ngoại khoa: *Bình thường*
 Phân loại
 - Da liễu: *Bình thường*
 Phân loại

- Kết quả khám:.....**KHÔNG KHÁM**

- Phân loại:.....

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải:..... Mắt trái:

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có):.....

- Phân loại:

0A. - Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 20 m
Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 20 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....*Bình thường*.....
- Phân loại:*I*.....

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):.....
- Phân loại:.....

IV. KHÁM CÂN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: xxxxxx) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh: - X-Quang tim phổi thẳng:..... - Siêu âm ổ bụng:..... - Siêu âm tuyến giáp:..... 	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
--	---

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Mổ đẻ 2010, 2020

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 7 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 4 0 2 1
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Mổ đẻ 2010, 2020 ☐ Chưa
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☒ Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 150 cm; Cân nặng: 60 kg; Chỉ số BMI: 26,66
 Mạch: 71 lần/phút; Huyết áp: 110/70 mmHg
 Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại: I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại: I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại: I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại: I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại: I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại: I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại: I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại: I 2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Mổ đẻ 2010, 2020 Phân loại: I - Da liễu: Bình thường Phân loại: I	BS. Lê Thị Dung BS. Bùi Đăng Chinh BSCKI. Nguyễn Thị Hân

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Sơ mố' đẻ Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Tử Vọng SSSS Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Chàng Chấn Phân loại: BSCKI. Nguyễn Thị Ngọc Lan

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Chàng Chấn Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: Chàng Chấn Phân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 9/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): MĐT: MĐ Loan Chi Hoi

- Phân loại: Hs. Tăng Thị Trian

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm: m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I BS. Đỗ Tiến Sơn

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên:

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I BS. Đỗ Thị Bình Minh

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Đoàn Xuân Diệu

eng. No. và tên DMC do TNGT

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 163 cm; Cân nặng: 57 kg; Chỉ số BMI: 21,45
Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: I

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
155. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn: Phân loại	Bình thường I	 BS. Lê Thị Dung
b) Hô hấp: Phân loại	Bình thường I	
c) Tiêu hóa: Phân loại	Bình thường I	
d) Thận-Tiết niệu: Phân loại	Bình thường I	
đ) Nội tiết: Phân loại	Bình thường I	
e) Cơ-xương-khớp: Phân loại	Bình thường I	
g) Thần kinh: Phân loại	Bình thường I	
h) Tâm thần: Phân loại	Bình thường I	

- Ngoại khoa: 2009. Mổ Tụ máu DMC do DVT
Phân loại II
- Da liễu: Bình thường
Phân loại I

- Kết quả khám:.....KHÔNG KHÁM.....

- Phân loại:.....

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 20/20 Mắt trái: 20/20
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có):
- Phân loại:

1 - Kết quả khám thính lực:

Tai trái:	Nói thường:.....m;	Nói thầm:.....m
Tai phải:	Nói thường:.....m;	Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

- Phân loại:

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): **Bình thường**
- Phân loại: **I**

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: yyyyyy) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh: - X-Quang tim phổi thẳng:..... - Siêu âm ổ bụng:..... - Siêu âm tuyến giáp:..... 	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
---	---

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : ☐ Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mô sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 158 cm; Cân nặng: 60 kg; Chỉ số BMI: 24,03
Mạch: 100 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: II

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
156. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Bình thường	lu
Phân loại I	
b) Hô hấp: Bình thường	lu
Phân loại I	
c) Tiêu hóa: Bình thường	lu
Phân loại I	
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường	BSCKI Hoàng Thị Nga
Phân loại I	
đ) Nội tiết: Bình thường	lu
Phân loại I	
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường	lu
Phân loại I	
g) Thần kinh: Bình thường	lu
Phân loại I	
h) Tâm thần: Bình thường	lu
Phân loại I	

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa: Bình Thường
Phân loại I
- Da liễu: Bình Thường
Phân loại I

3. Sản phụ khoa:

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
- Phân loại:

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có): Am loãn thị
- Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

Kết quả khám thính lực:
Tai trái: Nói thường: 5m; Nói thầm: 0,5m
Tai phải: Nói thường: 5m; Nói thầm: 0,5m
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm họng
- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Hàm trên thưa bẩm sinh
+ Hàm dưới:
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Chạy răng
- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:
zzzzzz) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:
- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG
- Siêu âm ổ bụng: Một ổ hoạt động (1)
- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Đoàn Xuân Hiền

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	77	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	5.13	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	1329	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	229	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	7.6	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	3.3	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	72	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4.1	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	1.58	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	16	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	12	U/L	0 – 40

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính

già: - Nang thân ①

1. Phân loại sức khỏe: Loại III

2. Các bệnh, tật (nếu có): ... Nang thân ① rỗ lỗ thủng, còi

- Mất cái thì
- Về ăn uống nữa
- Mất ở rừng

- Cần - nên ăn thực tế thân
- đến tuổi đúng rồi
- về học về môi trường
- phải hiểu rõ mặt
- Giảm cân

Hưng Yên, ngày.....tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH**BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 496

HY20251315

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (*chữ in hoa*): **NGUYỄN NĂNG NGUYÊN**

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh ngày: 28 tháng 09 năm 1984 (Tuổi: 41)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001084010951

5. Cấp ngày: **01/03/2025** Tại: Bộ công an

6. Chỗ ở hiện tại: Cố An - Vĩnh Thanh - Hà Nội

Số điện thoại liên hệ: 0817313265

7. Nghề nghiệp: Phó trưởng nhóm

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: **12/08/2025**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) Bãi dãi, vườn lu' nhà lãng, lái xe

thời gian làm việc năm tháng từ ngày / / 2018 đến / / 2022

b) 1a) je

thời gian làm việc: 3 năm..... tháng từ ngày 20/4/2022 đến 11/8/2025

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: *Không*

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Năng Nguyên

Hưng Yên, ngày...tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

NguyễnThị Thủy

BSCKI. Đoàn Xuân Hiếu

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 167 cm; Cân nặng: 57 kg; Chỉ số BMI: 20,43
Mạch: 80 lần/phút; Huyết áp: 110 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
162. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Bình thường	lu
Phân loại I	lu
b) Hô hấp: Bình thường	lu
Phân loại I	lu
c) Tiêu hóa: Bình thường	lu
Phân loại I	BS CKI Hoàng Thị Nga
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường	lu
Phân loại I	lu
đ) Nội tiết: Bình thường	lu
Phân loại I	lu
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường	lu
Phân loại I	lu
g) Thần kinh: Bình thường	lu
Phân loại I	lu
h) Tâm thần: Bình thường	lu
Phân loại I	

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa: Bình Thường
Phân loại I
- Da liễu: Khám khám lâm sàng (I)
Phân loại I

3. Sản phụ khoa:

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
- Phân loại:

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 7/10 Mắt trái: 7/10
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có): Khám khám lâm sàng
- Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

Kết quả khám thính lực:
Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 0,5 m
Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 0,5 m
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Khám khám lâm sàng
- Phân loại:

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: 1 R38 R35 R35
+ Hàm dưới:
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Khám khám lâm sàng
- Phân loại:

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:
fffff) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:
- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG
- Siêu âm ổ bụng: I Dữ liệu chưa có
- Siêu âm tuyến giáp: I Dữ liệu chưa có

Bs Bùi Đăng Chính
BSCKI. Nguyễn Thị Cẩm Tú
Bs. Nguyễn Thị Yến
BS. Giảng A Phụng
BS. Đỗ Thị Bình Minh
BSCKI. Phan Xuân Mưu

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	6,5	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4,75	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	13,5	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	190	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	4,2	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	7,7	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	74	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4,2	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	0,68	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	27	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	58	U/L	0 – 40

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính
 Khác (Nếu có):

giáo: Giáo nhiệm mỗ . Xing 2 thuy tyen
góp

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH

X-RAY

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a) <i>ngộ n</i>		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Đến

Nguyễn Văn Tiệp

Thy 2

NguyễnThị Thủy

blue? wash,

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐

- PARA :

- Số lần mô sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 170 cm; Cân nặng: 65 kg; Chỉ số BMI: 22.19
Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg
Phân loại thể lực: I

BS. Lương Tuấn Đạt

- Ngoại khoa:.....
Phân loại
- Da liễu:.....
Phân loại

- Kết quả khám:.....

- Phân loại:.....

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 2/10 Mắt trái: 2/10
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có):
- Phân loại: 2

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái:	Nói thường:.....m;	Nói thầm:.....m
Tai phải:	Nói thường:.....m;	Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

- Phân loại:

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):.....
- Phân loại:.....

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

ggggggg) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: **HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG**

- Siêu âm ổ bụng: *Hình ảnh gan nhiễm mỡ*

- Siêu âm tuyến giáp: *Nang hai thùy tuyến giáp*

BSCKI. Đoàn Xuân Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



1. Họ và tên (chữ in hoa): Vũ Thị Thanh HY 2025133
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh ngày: 22 tháng 10 năm 1983 (Tuổi:.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033.183.010.117
5. Cấp ngày: 15/08/2025 Tại: Cục Cảnh Sát
6. Chỗ ở hiện tại: Châu Ninh - Hưng Yên
Số điện thoại liên hệ: 033.260.3578

7. Nghề nghiệp:.....
8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**
Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: 23/8/2025
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) Nữ do
thời gian làm việcnăm.....tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....
b)
thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:
12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thanh Vũ Thị

Hưng Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2025
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Thủy
Nguyễn Thị Thủy

* Xét nghiệm máu:

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	<u>5,5</u>	10 ⁹ /L	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	<u>4,87</u>	10 ¹² /L	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	<u>13,1</u>	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	<u>318</u>	10 ³ /μL	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	<u>5,4</u>	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	<u>5,3</u>	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	<u>71</u>	μmol/L	53 - 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	<u>4,1</u>	μmol/L	3.9 - 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	<u>2,23</u>	μmol/L	0.46 - 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	<u>19</u>	U/L	0 - 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	<u>16</u>	U/L	0 - 40

* Xét nghiệm nước tiểu:

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính

Khác (Nếu có):.....

b) Đánh giá: Nốt tăng amin gan P. (Theo dõi u máu)

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại III

2. Các bệnh, tật (nếu có): Nang, Nabel cơ
Theo dõi viêm thặng quản mãn tính
Nốt tăng amin gan P. (Theo dõi u máu)
Hai mắt cận loạn

Cận - đến thị phụ khoa
- nư. s. tại mũi hoặc đi chân đ. viêm thặng qu. mãn
am. đ. u. t. gan.
- đeo kính đúng s.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2025



NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

Ng

Điền Xuân Hiền

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

2022 mổ khâu tử cung

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 16....
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☐ đã mãn kinh 4 năm
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa ☐
- PARA : 2002.....
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: ☒ Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: ☒ Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 160.....cm; Cân nặng: 56.....kg; Chỉ số BMI: 21,87
 Mạch: 74.....lần/phút; Huyết áp: 100...../.....mmHg
 Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: <u>Bình thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
b) Hô hấp: <u>Bình thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
c) Tiêu hóa: <u>Bình thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
d) Thận-Tiết niệu: <u>Bình thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
d) Nội tiết: <u>Bình thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
e) Cơ-xương-khớp: <u>Bình thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
g) Thần kinh: <u>Bình thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
h) Tâm thần: <u>Bình thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
2. Ngoại khoa, Da liễu: Bình Thường	
- Ngoại khoa: <u>I</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>
- Da liễu: <u>Bình Thường</u>	<u>Đu</u>
Phân loại	<u>Đu</u>

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Bình thường.....Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường.....Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM.....Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM.....Phân loại:

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM.....Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM.....Phân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường.....Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 2/5.....Mắt trái: 2/5.....

Có kính: Mắt phải:Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): Đu.....

- Phân loại: I.....

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 2/5.....m; Nói thầm: 2/5.....m

Tai phải: Nói thường: 2/5.....m; Nói thầm: 2/5.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Đu.....

- Phân loại: I.....

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Đu.....

+ Hàm dưới: Đu.....

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Đu.....

- Phân loại: I.....

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG.....

.....

- Siêu âm ổ bụng: Tử cung đã cắt.....

.....

- Siêu âm tuyến giáp: Nhân hai tuyến giáp.....

.....

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của

Bác sỹ chuyên khoa

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 163 cm; Cân nặng: 64 kg; Chỉ số BMI: 24,08.
Mạch: 78 lần/phút; Huyết áp: 110/80 mmHg
Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
165. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Bình thường	
Phân loại 2	
b) Hô hấp: Bình thường	
Phân loại 2	
c) Tiêu hóa: Bình thường	
Phân loại I	BS CKI Hoàng Thị Nga
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường	
Phân loại I	
đ) Nội tiết: Bình thường	
Phân loại 2	
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường	
Phân loại I	
g) Thần kinh: Bình thường	
Phân loại I	
h) Tâm thần: Bình thường	
Phân loại 2	

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa: Bình Thường
Phân loại I
- Da liễu: Bình Thường
Phân loại I

3. Sản phụ khoa:

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
- Phân loại:

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 7/10
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có): 2m b. thường
- Phân loại: II

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:
Tai trái: Nói thường: 15m; Nói thầm: 2,5m
Tai phải: Nói thường: 15m; Nói thầm: 2,5m
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm amidan
- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên:
+ Hàm dưới:
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Bình thường
- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:
iiiiiii) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:
- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG
- Siêu âm ổ bụng: Bình thường
- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKL Đoàn Xuân Kiên

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 3-4 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 1 00 1
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Mổ đẻ 2015 ☐ Chưa
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☒ Ghi rõ: ☐ Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 146 cm; Cân nặng: 45 kg; Chỉ số BMI: 21,11

Mạch: 80 lần/phút; Huyết áp: 120 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: IV

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại: I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại: I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại: I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại: I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại: I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại: I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại: I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại: I 2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình thường Phân loại: I - Da liễu: Bình thường Phân loại: I	BS. Lê Thị Dung BS. Bùi Đăng Chính BSCKI. Nguyễn Thị Hân

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Sẹo mổ đẻ Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Đang kinh Nguyệt 2 - 3 Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không khám Phân loại:

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không khám Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: Không khám Phân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 1/20 Mắt trái: 1/20

Có kính: Mắt phải: 3/20 Mắt trái: 2/20

Các bệnh về mắt (nếu có):

- Phân loại: - 105° MDT (cận thị) II

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Bình thường

+ Hàm dưới: I

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại: BS. Đỗ Thị Bình Minh

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chân đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Trần Văn Sơn

* Xét nghiệm máu:

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	6.5	10 ⁹ /L	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4.95	10 ¹² /L	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	14.8	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	246	10 ³ /μL	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	5.8	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	8.6	mmol/L	2.99 - 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	86	μmol/L	53 - 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4.3	μmol/L	3.9 - 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	1.13	μmol/L	0.46 - 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	25	U/L	0 - 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	22	U/L	0 - 40

* Xét nghiệm nước tiểu:

Đường: Protein:

Khác (Nếu có):

kkkkkkk) Đánh

giá:

Bình thường

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có): - 2 Huyết áp cao

- Cao huyết áp

Cao huyết áp

Hưng Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH

PK VIỆT PHÁP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 513

HY20251338

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

Đã chụp Xquang



1. Họ và tên (chữ in hoa): TRẦN THẾ LONG

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh ngày: 09 tháng 02 năm 1982 (Tuổi: 43)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033082007208

5. Cấp ngày: 12/08/2021 Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Yên Đỗ - Xã Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên

Số điện thoại liên hệ: 0865666819

7. Nghề nghiệp: Công nhân Canteen

8. Nơi công tác, học tập: CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: 19/08/2025

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)

thời gian làm việcnăm.....tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

b)

thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: Không

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a) Không		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Long

Trần Thế Long

Hưng Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thủy

Nguyễn Thị Thủy

Choe mank

III. KHÁM LÂM SÀNG

BSCKI. Đoàn Xuân Kiếu

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	12,9	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4,68	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	13,1	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	378	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	5,0	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	8,8	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	90	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4,3	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	2,09	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	18	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	18	U/L	0 – 40

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính
 Khác (Nếu có):

giá: Ba mươi hai,9
- Đồng mai, mười 70
- Polyp túi mặt

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có): - Mắt @ 9/10; mắt @ 8/10 (bít)

- Keim mai hoiz, keim amidal man
- Baile cii, stj mai, tins
- Polijp rii mat

Cară - deis tri ek tai mui houg
- nhun an sif xou len, stj, cou
- nhun an stjue stj, stj mat

Hưng Yên, ngày 26 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Kí, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH



118735

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 514

HY20251339

X-RAY

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (*chữ in hoa*): **NGUYỄN VĂN TÂM**

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh ngày: **22 tháng 10 năm 1986** (Tuổi: **39**)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033086007750

5. Cấp ngày: **28/07/2025** Tại: **Bộ Công an**

6. Chỗ ở hiện tại: Yên'Đô - Yên'Mỹ - Huyện Yên'

Số điện thoại liên hệ: 0369528986

7. Nghề nghiệp: Công nhân Canteen

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: **19/08/2025**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)
thời gian làm việc năm tháng từ ngày / / đến / /

b)
 thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: không

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hưng Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Tâm

NguyễnThị Thủy

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

PT Hoạt V. bạn (p) 2021

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : Điều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 169 cm; Cân nặng: 68 kg; Chỉ số BMI: 25,28
Mạch: 78 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg
Phân loại thể lực: II

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
167. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
b) Hô hấp: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
c) Tiêu hóa: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
đ) Nội tiết: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
g) Thần kinh: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
h) Tâm thần: Bình thường I	Đạt
Phân loại	BS. Lương Xuân Đạt

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa: PT Hoạt V. bạn (p) 2021
Phân loại II
- Da liễu: Bình thường
Phân loại I

3. Sản phụ khoa:

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
- Phân loại:

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 8/10
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có): Len b. Huyết
Phân loại: II

5. Tai-Mũi-Họng:

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm: m
Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10/15 m
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Viêm mũi họng / Viêm
- Phân loại: II Amidan mạn.

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Bình thường
+ Hàm dưới:
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Cao p. độ II
- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

kkkkkkk) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:
- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG
- Siêu âm ổ bụng: Polyp túi mật
- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Đoàn Xuân Kiên

BS Bùi Đăng Chính

BSCKI. Nguyễn Thị Hân

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Đỗ Tiến Sơn

BS. Lương Ngọc Thùy

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	7.6	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4184	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	141.2	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	189	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	5.7	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	7.0	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	89	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4.8	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	0.92	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	27	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	21	U/L	0 – 40

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính

Khác (Nếu có):.....

mmmmmmmm) Đánh

giá:.....

- 74/a' gần nhiên khí mố
- Nặng lại thấy tuyến giáp

1. Phân loại sức khỏe:.....Loại II.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):

- Hết đ' gan 11 viên nhỏ
- Nang lại thấy sưng gáp

Cơ an gần đó học, luyện tập thi thạc
- Siêu cảm biến thu nhận giúp đỡ kỹ

Hưng Yên, ngày 15 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH**BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH**

119649

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 515

HY20251340

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (chữ in hoa): **VŨ VĂN DIỆP NGỌC HƯNG**

2. Giới tính:	Nam	☒	Nữ	☐
---------------	-----	-------------------------------------	----	--------------------------

3. Sinh ngày: 18 tháng 08 năm 1993 (Tuổi: 32)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033093002289

5. Cấp ngày: **13/02/2022** Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. ^{KHOE}Chỗ ở hiện tại: Hàng Xá - Tiên Thọ - Hàng Yên

Số điện thoại liên hệ: **0985307569**

7. Nghề nghiệp: Công nhân Canteen

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: **19/08/2025**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)

thời gian làm việcnăm.....tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

b)

thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: Li Syc

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a) <i>Không</i>		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Vũ Văn Diệp Ngọc Hưng

Hưng Yên, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Thủy

.....
BSCCL Dear Alan Shen

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14

- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều

- Chu kỳ kinh : 30 ngày
 Lượng kinh : 10 ngày

- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không

- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa

- PARA : 2023

- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☒ Ghi rõ: Chưa

- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☒ Ghi rõ: vòng 11

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 159 cm;
 Cân nặng: 56 kg;
 Chỉ số BMI: 22, 815

Mạch: 74 lần/phút;
 Huyết áp: 100 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: <i>Bình thường</i>	<i>[Chữ ký]</i>
Phân loại <i>I</i>	
b) Hô hấp: <i>Bình thường</i>	<i>[Chữ ký]</i>
Phân loại <i>I</i>	
c) Tiêu hóa: <i>Bình thường</i>	<i>[Chữ ký]</i>
Phân loại <i>I</i>	BSCKI
d) Thận-Tiết niệu: <i>Bình thường</i>	<i>Hoàng Thị Nga</i>
Phân loại <i>I</i>	<i>[Chữ ký]</i>
đ) Nội tiết: <i>Bình thường</i>	<i>[Chữ ký]</i>
Phân loại <i>I</i>	<i>[Chữ ký]</i>
e) Cơ-xương-khớp: <i>Bình thường</i>	<i>[Chữ ký]</i>
Phân loại <i>I</i>	<i>[Chữ ký]</i>
g) Thần kinh: <i>Bình thường</i>	<i>[Chữ ký]</i>
Phân loại <i>I</i>	<i>[Chữ ký]</i>
h) Tâm thần: <i>Bình thường</i>	<i>[Chữ ký]</i>
Phân loại <i>I</i>	
2. Ngoại khoa, Da liễu: <i>Bình Thường</i>	
- Ngoại khoa: <i>I</i>	<i>Bs Bùi Đăng Chinh</i>
Phân loại <i>I</i>	
- Da liễu: <i>Vết thương da vùng m</i>	<i>[Chữ ký]</i>
Phân loại <i>II</i>	BSCKI Nguyễn Thị Cẩm

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: *Bình thường* Phân loại: *I*

* Khám bộ phân sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: *Bình thường* Phân loại: *I*

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: **KHÔNG KHÁM** Phân loại: *2*

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: **KHÔNG KHÁM** Phân loại:

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: **KHÔNG KHÁM** Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: **KHÔNG KHÁM** Phân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: *Bình thường* Phân loại: *2*

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: *[Chữ ký]* Mắt trái: *[Chữ ký]*

Có kính: Mắt phải: *[Chữ ký]* Mắt trái: *[Chữ ký]*

- Các bệnh về mắt (nếu có): *I*

- Phân loại: *I*

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: *15* m; Nói thầm: *10* m

Tai phải: Nói thường: *15* m; Nói thầm: *10* m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): *[Chữ ký]*

- Phân loại: *[Chữ ký]*

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên:

+ Hàm dưới: *Bình thường*

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): *I*

- Phân loại: *I*

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: *Không ảnh tim phổi bất thường.*

- Siêu âm ổ bụng: *Bình thường*

- Siêu âm tuyến giáp: *Nang thùy phải tuyến giáp*

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI Đoàn Xuân Hiền

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Mô' dt' 2008, 2012

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 3 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☐ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 2 02 2
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Mô' dt' 2008, 2012 ☐ Chưa
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☒ Ghi rõ: ☐ Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 158 cm; Cân nặng: 66 kg; Chỉ số BMI: 26,43

Mạch: 70 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg

Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại I	
b) Hô hấp: Bình thường Phân loại I	
c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại I	
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại I	BS. Lê Thị Dung
đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại I	
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại I	
g) Thần kinh: Bình thường Phân loại I	
h) Tâm thần: Bình thường Phân loại I	
2. Ngoại khoa, Da liễu:	
- Ngoại khoa: Mô' dt' 2008, 2012 Phân loại II	BS Bùi Đăng Chính
- Da liễu: Bình thường Phân loại I	BSCKI Nguyễn Thị Hân

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Sơ. mô' dt' Bình thường Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Mô' dt' từ lần SKSS Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: không chạm Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: không khám Phân loại: I

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: không khám Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 8/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): MPT. Lở loét mắt từ

- Phân loại: II

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên:

+ Hàm dưới: Bình thường

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): I

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Trần Xuân Kiều

* Xét nghiệm máu:

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	8,7	10 ⁹ /L	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	5,47	10 ¹² /L	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	14,0	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	312	10 ³ /μL	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	7,5	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	5,2	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	89	μmol/L	53 - 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	6,0	μmol/L	3.9 - 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	1,36	μmol/L	0.46 - 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	33	U/L	0 - 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	23	U/L	0 - 40

* Xét nghiệm nước tiểu:

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính

Khác (Nếu có):

nnnnnnn) Đánh

giá: Nổi vôi hoa' gan (P) đường máu tăng 7,5
mỡ máu tăng (cho 6,0)

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại III

2. Các bệnh, tật (nếu có): TĐ tăng huyết áp 140/90mmHg

than chì vôi cứng độ 3 giai II tay (P)

viêm A mạn

Nổi vôi hoa' gan (P)

đường máu, mỡ máu tăng

Cẩn: kiểm tra lại huyết áp lúc nghỉ ngơi

Sức hàng nước muối tăng, tã

Sức ăn ở gan chừa lại

Ăn giảm đồ béo, nhìn ăn tăng cơ lại tăng máu, đồ mà

Hưng Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH



113109

PK VIỆT PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 518

HY20251343

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

Đã chụp Xquang

1. Họ và tên (chữ in hoa): BÀN VĂN MINH

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh ngày: 07 tháng 06 năm 1993 (Tuổi: 32)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 014093007700

5. Cấp ngày: 04/02/2022 Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: Hiền Hương Nguyễn Văn Minh - Hưng Yên

Số điện thoại liên hệ: 0968398937

7. Nghề nghiệp: Công nhân Canteen

8. Nơi công tác, học tập: CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: 19/08/2025

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)

thời gian làm việcnăm.....tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

b)

thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Bàn Văn Minh

Bàn Văn Minh

Hưng Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy



I. TIỀN SỬ BỆNH, TẠI
Hạn chế được dưới 3 ngón. II. bàn tay (P) từ nhỏ

III. KHÁM LÂM SÀNG

BSCKI. Đoàn Xuân Hiếu

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	7.5	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4.85	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	13.3	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	430	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	5,1	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	4,9	mmol/L	2.99- 9.16 BSCK
Creatinin (XN chức năng thận)	70	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	5,4	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	0,86	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	18	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	9	U/L	0 – 40

Đường: **(-) Âm tính** Protein: **(-) Âm tính**
 Khác (Nếu có): **bach cầu: 25 leuk/L**

Bình thường

1. Phân loại sức khỏe: Loại III

2. Các bệnh, tật (nếu có): - 2 Mắt 18 loạn thị tiết
- Sau 04 răng, mắt R47

Carī-deis chūne tām nām
- tām m; Shūngis khaa kha

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỈ NHANH
PHÒNG KHÁM DẠ KHOA
VIỆT PHÁP II
H. YÊN MỸ - T. HÙNG YÊN

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH

115751

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HY20251344



2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒

Đã chụp Xquang

5. Cấp ngày: **05/08/2022** Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: liền xã - Nguyễn Văn Linh - Hòa Xuân

Số điện thoại liên hệ: 0971136374

7. Nghề nghiệp: Công nhân Canteen

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM** II

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: **19/08/2025**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)

thời gian làm việcnăm.....tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

b)

thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: 1/Chồng

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a) <i>Chông</i>		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

(Ký và ghi rõ họ, tên)

lan

Đỗ Thi Lan

Hưng Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thy 2

Nguyễn Thị Thủy



KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

khỏe mạnh

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 4 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 2002
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☒ Ghi rõ: Chưa
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☒ Ghi rõ: Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 155 cm; Cân nặng: 53 kg; Chỉ số BMI: 22.06
Mạch: 76 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại I	
b) Hô hấp: Bình thường Phân loại I	
c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại I	
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại I	BS. Lê Thị Dung
đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại I	
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại I	
g) Thần kinh: Bình thường Phân loại I	
h) Tâm thần: Bình thường Phân loại I	
2. Ngoại khoa, Da liễu:	
- Ngoại khoa: Bình thường Phân loại I	BS Bùi Đăng Chính
- Da liễu: Bình thường Phân loại I	BSCKI. Nguyễn Thị Hòa

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn.

Bình thường

- Kết quả khám:Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

Bình thường

- Kết quả khám:Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Đang kinh nguyệt N2 - N4Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: không khámPhân loại:

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: không khámPhân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: không khámPhân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám:Phân loại: I

4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 8/10

Có kính: Mắt phải:Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): MPP: không cóPhân loại: II

- Phân loại:Phân loại: II

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m

Tai phải: Nói thường: 1.5m; Nói thầm: 1.0m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):Phân loại: I

- Phân loại:Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: 14, 15, 27, 46
+ Hàm dưới: 14, 15, 27, 46
Phân loại: I

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):Phân loại: III

- Phân loại:Phân loại: III

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

.....Phân loại: I

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

.....Phân loại: I

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

.....Phân loại: I

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):Phân loại: I

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Trần Xuân Hiên

HY20251345

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Đã chụp Xquang

Số điện thoại liên hệ: 0352245587

12. Tiền sử bản thân: Không

Nguyễn Thị Thủy

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Mô' đi' 2019

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☒ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 3 ngày
- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☒
- Đã lập gia đình : Có ☒ Chưa ☐
- PARA : 2 0 0 2
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Mô' đi' 2019 Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☒

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 152 cm; Cân nặng: 56 kg; Chỉ số BMI: 24.23

Mạch: 75 lần/phút; Huyết áp: 110 / 80 mmHg

Phân loại thể lực: II

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại I	
b) Hô hấp: Bình thường Phân loại I	
c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại I	
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại I	BS. Lê Thị Dung
đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại I	
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại I	
g) Thần kinh: Bình thường Phân loại I	
h) Tâm thần: Bình thường Phân loại I	
2. Ngoại khoa, Da liễu;	
- Ngoại khoa: Mô' đi' 2019 Phân loại	BS Bùi Đăng Chính
- Da liễu: Bình thường Phân loại I	BSCKI. Nguyễn Thị Hàn

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Sẹo mổ đẻ Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Tử Vang Sẵn Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không khám Phân loại:

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không khám Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: Không khám Phân loại:

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: Sẹo Mắt trái: Sẹo

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): MPTB, loạn thị KĐ

- Phân loại: II

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm: m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Cầu Răng 22

+ Hàm dưới: Cao răng - Vỡ do 3

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại: II

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X-quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Hít cái gan nhấm m'

- Siêu âm tuyến giáp: Nang thùy trái được g'ay

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Đoàn Xuân Kiên

HY20251346



119317

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



X-RAY



Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Mono

Ungl

Nguyễn Thị Thủy

b) Đánh giá: Bạch cầu tăng $11,7$. Mô men tăng (M : 483).

NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)
- CHỖ NHÃN
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
VIỆT - PHÁP II
H. YÊN MỸ - T. HUNG YÊN

BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày ☐ Lượng kinh : 3 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 2 0 0 2
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Không ☒

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 147 cm; Cân nặng: 45 kg; Chỉ số BMI: 20,82
 Mạch: 75 lần/phút; Huyết áp: 110/70 mmHg
 Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại I	BS CKI Hoàng Thị Nga
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình Thường Phân loại I - Da liễu: Bình Thường Phân loại I	Bs. Bùi Tăng Chính BSCKI Nguyễn Thị Cẩm Tú

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 8/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

Các bệnh về mắt (nếu có):

- Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 15 m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 15 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Cầu R45-4f.

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chân đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Giảng A Phụng

BS. Đỗ Thị Bình Minh

BSCKI. Đoàn Xuân Khu



119652

HY20251347

1. The first step in the process is to identify the problem or issue that needs to be addressed. This involves gathering information and understanding the context of the problem.

2. Once the problem is identified, the next step is to define the objectives and goals of the project. This helps to clarify what needs to be achieved and provides a clear direction for the team.

3. The third step is to develop a plan or strategy to address the problem. This involves breaking down the problem into smaller, manageable tasks and determining the resources needed to complete each task.

4. The fourth step is to implement the plan. This involves putting the strategy into action and monitoring progress regularly to ensure that the project is on track.

5. The final step is to evaluate the results of the project. This involves comparing the actual outcomes with the original objectives and goals to determine the effectiveness of the project.

X-RAY



Số điện thoại liên hệ: 0332030748

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Quốc
nguyên thì Quốc

Nguyễn Thị Quế

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Thủy

.....

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 3 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 3.00.3
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: ☐ Chưa
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: ☒ Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 156 cm; Cân nặng: 53 kg; Chỉ số BMI: 21.87.
 Mạch: 88 lần/phút; Huyết áp: 130 / 90 mmHg
 Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại: I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại: I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại: I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại: I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại: I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại: I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại: I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại: I	BS CKI Nguyễn Thị Nga BS Bùi Đăng Chính BSCKI Nguyễn Thị Cẩm Tú
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình Thường Phân loại: I - Da liễu: Bình Thường Phân loại: I	BSCKI Đoàn Xuân Thiệu

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng bên: Bình thường
 - Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài: Bình thường
 - Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường
 - Kết quả khám: KHÔNG KHÁM / Woman Stress
 Phân loại: 2

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)
 - Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: 2

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)
 - Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: 2

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)
 - Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: 2

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)
 - Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

4. Mắt:
 - Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 8/10
 Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có): Không
 - Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:
 - Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 15 m
 Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 15 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Không
 - Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt
 - Kết quả khám: + Hàm trên: Bình thường
 + Hàm dưới: Bình thường

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Không
 - Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:
 - X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Không thấy phôi thai gặp

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI Đoàn Xuân Thiệu

BSCKI Đoàn Xuân Thiệu

BSCKI Đoàn Xuân Thiệu

BSCKI Đoàn Xuân Thiệu

BSCKI Đoàn Xuân Thiệu

HY20251349

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	8,7	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4,81	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	140	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	354	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	5.0	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	7.3	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	75	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4.3	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	1.45	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	24	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	16	U/L	0 – 40

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính

Khác (Nếu có): thông cầu : 250 tỷ ml

b) Đánh giá: - Hệ số gần như bằng 0

- Nhận 2 thiếp đ/ gặp

.....

.....


118746

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[illegible]

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Thanh
của năm Thi Thanh

Trần Thị Thanh

(Ký và ghi rõ họ, tên)

May 2

Nguyễn Thị Thủy

Hưng Yên, ngày...X6...tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÒNG KHÁM DẠ KHOA
VIỆT-PHÁP II
H. YÊN MỸ - TỈNH YÊN

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH

1000? man's

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : ...¹⁴.....

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☒ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ...³⁰... ngày Lượng kinh : ...⁷..... ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☒

- Đã lập gia đình : Có ☒ Chưa ☐

- PARA :^{L0G12}.....

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Đặt vòng IUD Không ☒

Chiều cao: 152 cm; Cân nặng: 70 kg; Chỉ số BMI: 30,29
Mạch: 75 lần/phút; Huyết áp: 100/70 mmHg
Phân loại thể lực: IV

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
a) Tuần hoàn:	<i>I</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
b) Hô hấp:	<i>I</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
c) Tiêu hóa:	<i>I</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
d) Thận-Tiết niệu:	<i>I</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
đ) Nội tiết:	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
e) Cơ-xương-khớp:	<i>I</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
g) Thần kinh:	<i>I</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
h) Tâm thần:	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>I</i>	<i>Đạt</i>
2. Ngoại khoa, Da liễu:	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
- Ngoại khoa:	<i>I</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
- Da liễu:	<i>Bình thường</i>	<i>Đạt</i>
Phân loại	<i>I</i>	<i>Đạt</i>

- Phân loại:.....

.....

- Siêu âm tử cung – nhân phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bs. Nguyễn Thị Yên

BS. Đỗ Tiến Khoa

Bs. Lương Ngọc Thùy

BSCKI. Đoàn Xuân

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	6,2	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4,73	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	13,3	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	283	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	7.4	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	6.14	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	94	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	5.2	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	2.18	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	18	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	9	U/L	0 – 40

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính
 Khác (Nếu có):

giá: - Đồng mai tươi 8,4.

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có): - RS hoạt như 2 bên. (m)

- Đường mai tam

Can - nhin coi sa' x' loi d'g' m' au'

Hưng Yên, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH



115074

PK VIỆT PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 535

HY20251365

Đã chụp Xquang



1. Họ và tên (chữ in hoa): **LÊ QUYẾT THÀNH**

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh ngày: 30 tháng 03 năm 1981 (Tuổi: 44)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001081016516

5. Cấp ngày: 20/04/2021 Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: 25/70 phố 8/3 Bạch Mai, Hà Nội

Số điện thoại liên hệ: 0931899222

7. Nghề nghiệp: **Trưởng nhóm**

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: **23/08/2025**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)
thời gian làm việcnăm.....tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

b)
thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: Không

12. Tiền sử bản thân: Không

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Shydel

Lê Quyết Thành

Hưng Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Thủy

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

II. KHÁM THỂ LỰC

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
171. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn:	Bình thường	
Phân loại	I	
b) Hô hấp:	Bình thường	
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa:	Bình thường	
Phân loại	I	
d) Thận-Tiết niệu:	Bình thường	BS. Lê Thị Dung 
Phân loại	I	
đ) Nội tiết:	Bình thường	
Phân loại	I	
e) Cơ-xương-khớp:	Bình thường	
Phân loại	I	
g) Thần kinh:	Bình thường	
Phân loại	I	
h) Tâm thần:	Bình thường	
Phân loại	I	

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa:.....

Bs Bùi Đăng Chính

- Da liễu:..... Bình thường.....

Phân loại

3. Sản phụ khoa:

- Kết quả khám:..... **KHÔNG KHAM**

- Phân loại:.....

- Các bệnh về mắt (nếu có):.....

- Phân loại:

5. Tai-Mũi-Họng:

Tai trái: Nói thường:.....m; Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):..... Không

- Phân loại:

6. Răng-Hàm-Mặt

+ Hàm dưới: Kang gia thành me 2 ham

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):.....

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: ooooooo) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh: - X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG - Siêu âm ổ bụng: <i>Bình thường</i> - Siêu âm tuyến giáp: <i>Bình thường</i> 	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa <i>BSCKI Đoàn Xuân Hiếu</i>
--	--

BSCKI. Trần Xuân Hiếu

khỏe mạnh

III. KHÁM LÂM SÀNG

..... Các
Phân
5. Tài
Kết

BSCKI. Đoàn Xuân Hiếu

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	5,6	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	4,34	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	13,0	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	158	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	4,8	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	5,2	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	74	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	4,9	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	0,73	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	24	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	18	U/L	0 – 40

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính

Khác (Nếu có):.....

b) Đánh giá:.....

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có): - Mắt vô loạn đến tốt

Hưng Yên, ngày.....tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGƯỜI KÊ
Ký ghi rõ họ tên

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



115068

PK VIỆT PHÁP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MHS: 537

HY20251367

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (chữ in hoa): **BÙI THỊ TƯƠI**

2. Giới tính:	Nam	☐	Nữ	☒
---------------	-----	--------------------------	----	-------------------------------------

3. Sinh ngày 08 tháng 08 năm 1979 (Tuổi: 46)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033179001827

5. Cấp ngày: **25/06/2021** Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: Đôn - Mạc - Xuân Thục - H.V.

Số điện thoại liên hệ: 0338430234

7. Nghề nghiệp: **Công nhân Canteen**

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: **23/08/2025**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)
 thời gian làm việc năm tháng từ ngày / / đến / /

b)
 thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: không

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a) <i>lông</i>		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ришони

Bùi Thi Tươi

Hưng Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thy 2

Nguyễn Thị Thủy



KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
 I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Cholesterol

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 5-7 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 3013
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☒ Ghi rõ: Chưa
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☒ Ghi rõ: Đặt vòng TT ☐ Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 157 cm; Cân nặng: 52 kg; Chỉ số BMI: 21,09

Mạch: 71 lần/phút; Huyết áp: 120 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại: I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại: I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại: I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại: I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại: I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại: I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại: I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại: I 2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình thường Phân loại: I - Da liễu: Bình thường Phân loại: I	BS. Lê Thị Dung BS. Bùi Đăng Chính BSCKI. Nguyễn Thị Hà

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Không khám
 Phân loại:

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: Không khám tế bào cổ tử cung
 Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 8/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

Các bệnh về mắt (nếu có): MPT: Bỏ bỏ đi

- Phân loại: II

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10/15 m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10/15 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: R38 lệch 70

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): OK

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Đoàn Xuân Hiếu

HY20251368



119651

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số điện thoại liên hệ: 0366331433

12. Tiền sử bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

trên thị trường

Hàng

(Ký và ghi rõ họ, tên)


Nguyễn Thị Thủy

.....

- des Jours l'un par jour

0389815-001 16/11/2025

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
VIỆT-PHÁP II

BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14.
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 3 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 400.4
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Không ☒

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 158 cm; Cân nặng: 68 kg; Chỉ số BMI: 27,23
 Mạch: 72 lần/phút; Huyết áp: 110/80 mmHg
 Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại I	BSCKI Hoàng Thị Nga BSCKI Bùi Đăng Chính BSCKI Nguyễn Thị Cẩm
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình Thường Phân loại I - Da liễu: Bình Thường Phân loại I	BSCKI Nguyễn Thị Cẩm

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Bình thường I Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường I Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường I Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 8/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

- Các bệnh về mắt (nếu có):

- Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15m; Nói thầm: 1,25m

Tai phải: Nói thường: 15m; Nói thầm: 1,25m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Răng thưa 2 hàm 2 hàm

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: hình ảnh gan nhiễm mỡ

- Siêu âm tuyến giáp:

- Siêu âm tuyến giáp:

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của

Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI Đào Xuân Sơn

BSCKI Đào Xuân Sơn

BSCKI Đào Xuân Sơn

BSCKI Đào Xuân Sơn

BSCKI Đào Xuân Sơn

BSCKI Đào Xuân Sơn

BSCKI Đào Xuân Sơn

BSCKI Đào Xuân Sơn

BSCKI Đào Xuân Sơn

khỏe mạnh.

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày

- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☒ Chưa ☐

- PARA :*1011*

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: *Mãn kinh 2 năm* Không ☐

Chiều cao: 155 cm; Cân nặng: 48 kg; Chỉ số BMI: 19.9
Mạch: 74 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn:	Bình thường	luu
Phân loại		
b) Hô hấp:	Bình thường	luu
Phân loại		
c) Tiêu hóa:	Bình thường	luu
Phân loại		BS CKI
d) Thận-Tiết niệu:	Bình thường	Hoàng Thị Nga
Phân loại		
đ) Nội tiết:	Bình thường	luu
Phân loại		
e) Cơ-xương-khớp:	Bình thường	luu
Phân loại		
g) Thần kinh:	Bình thường	luu
Phân loại		
h) Tâm thần:	Bình thường	luu
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:	Bình Thường	
Phân loại	I	Bs Bùi Tang Chu
- Da liễu:	Bình Thường	
Phân loại	I	BSCKI Nguyễn Thị Lâm

.....

4. M
Kế
th
Cá
Ph

M.S.D.N. 0800389815-00
CÔNG TY TNHH
CHĂM SÓC SỨC KHỎE
VIỆT PHÁP
- CHI NHÁNH
PHÒNG KHÁM DA KHOA
VIỆT-PHÁP II
HUYỆN MỸ - T. HƯNG YÊN

của

.....
 BSCN. Trần Xuân Hiếu

Bs. Nguyễn Thị Yến

BS. Giảng & Phùng

S. Đỗ Thị Bình Minh

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Mô tả 2000

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 15
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☐ màu nâu
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa ☐
- PARA : 2 00 2
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☒ Có ☐ Ghi rõ: Mổ đẻ 2000 ☐ Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: 1 năm nay không thấy kinh ☒ Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 197 cm; Cân nặng: 50 kg; Chỉ số BMI: 23,13
Mạch: 76 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	
a) Tuần hoàn: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
b) Hô hấp: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
c) Tiêu hóa: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
d) Thận-Tiết niệu: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
đ) Nội tiết: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
e) Cơ-xương-khớp: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
g) Thần kinh: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
h) Tâm thần: Bình thường I	Đạt
Phân loại	
2. Ngoại khoa, Da liễu:	
- Ngoại khoa: Mổ đẻ 2000	BS. Lương Tuấn Đạt
Phân loại	
- Da liễu: Bình thường	BS. Bùi Đăng Chính
Phân loại	
	BSCKI. Nguyễn Thị Lan

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn.

- Kết quả khám: Sẹo mổ đẻ Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: Phỏng thử tế bào cổ tử cung Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường Phân loại: I

4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 4/20 Mắt trái: 4/20

Có kính: Mắt phải: 20/20 Mắt trái: 20/20

* Các bệnh về mắt (nếu có):

Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bình thường

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: 1 như R chụp 8/1

+ Hàm dưới: 1 như R chụp 8/1

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Đa nhân giáp phải

Nang giáp trái

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI. Đoàn Văn Hùng

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :¹⁴..

- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☒ Không đều : ☐

- Chu kỳ kinh :³⁰ ngày Lượng kinh :⁵⁻⁶ ngày

- Đau bụng kinh : Có ☒ Không ☐

- Đã lập gia đình : Có ☒ Chưa ☐

- PARA :^{3.003}.....

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☒

Chiều cao: 157 cm; Cân nặng: 49 kg; Chỉ số BMI: 19,87
Mạch: 75 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg
Phân loại thể lực: I

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
a) Tuần hoàn:	I	<i>Dat</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
b) Hô hấp:	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
c) Tiêu hóa:	I	<i>Dat</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
d) Thận-Tiết niệu:	I	<i>Dat</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
đ) Nội tiết:	I	<i>Dat</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
e) Cơ-xương-khớp:	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
g) Thần kinh:	I	<i>Dat</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
h) Tâm thần:	I	<i>Dat</i>
Phân loại	<i>Bình thường</i>	<i>Dat</i>
2. Ngoại khoa, Da liễu:		<i>BS. Lương Tuấn Đạt</i>
- Ngoại khoa:	<i>Bình thường</i>	<i>Th</i>
Phân loại	I	<i>Bs Bùi Đăng Chi</i>
- Da liễu:	<i>Bình thường</i>	<i>H</i>
Phân loại	I	<i>~</i>

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

BSCKI. Trần Xuân Hiếu

.....
.....

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

1996, 2004 mổ đẻ, 2024 mổ u xơ TC

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 15
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều : ☒
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa ☐
- PARA : 2017-2
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Mổ u xơ TC 2024 bên phải
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Mổ đẻ 6/2004 ☐ Không ☒

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 145 cm; Cân nặng: 44 kg; Chỉ số BMI: 20,92
 Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 100/70 mmHg
 Phân loại thể lực: IV

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại: I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại: I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại: I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại: I đ) Nội tiết: Bình thường Phân loại: I e) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại: I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại: I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại: I	BS CKI Hoàng Thị Nga BS Bùi Đăng Chính BSCKI Nguyễn Thị Cẩm Tú
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình thường Phân loại: I - Da liễu: Bình Thường Phân loại: I	BSCKI Đoàn Xuân Hiếu

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng ben.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: Viêm âm đạo 2 độ
 Phân loại: II

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM
 Phân loại: I

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: Chưa thấy tế bào ác tính
 Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường
 Phân loại: I

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 8/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

Các bệnh về mắt (nếu có): 2 m lẹo mắt
 Phân loại: II

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 15 m
 Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 15 m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Mũi chảy
 Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Nhiều răng giả cố định
 + Hàm dưới:
 Phân loại: I

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): Nướu mắt nhai
 Phân loại: II

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG

- Siêu âm ổ bụng: Chưa xem để cắt bên phải

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa

BSCKI Đoàn Xuân Hiếu

4. **Mức:** Kết quả

Huyết học	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Số lượng bạch cầu	9,3	$10^9/L$	4.0 - 10
Số lượng hồng cầu	523	$10^{12}/L$	4.0 - 6.0
Số lượng huyết sắc tố	1413	g/dL	11 - 17
Số lượng tiểu cầu	413	$10^3/\mu L$	150 - 400

Hóa sinh	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham khảo
Đường máu	4.5	mmol/L	3.9 - 6.4
Ure (XN chức năng thận)	6.7	mmol/L	2.99- 9.16
Creatinin (XN chức năng thận)	9.2	μmol/L	53 – 120
Cholesterol (XN mỡ máu)	5.2	μmol/L	3.9 – 5.2
Triglycerides (XN mỡ máu)	3.18	μmol/L	0.46 – 1.88
AST(GOT) (XN chức năng gan)	23	U/L	0 – 37
ALT(GPT) (XN chức năng gan)	29	U/L	0 – 40

Đường: (-) Âm tính Protein: (-) Âm tính
 Khác (Nếu có):

tttttt) Đánh

giá: Mổ mai tạng (Tai : 3,18)

Gan nhiễm mỡ Hạng 2 thuy' hien' giap

1. Phân loại sức khỏe:.....loại III.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):

2. Các bộ phận, tập (hầu 60):
 Mặt (Đ) cân thì, mặt (Đ) mông chổ 2 (đặt ngoài)
 Mũ mũ, tăng (Cân nhiệm vụ) (Thế lực thừa cân)
 Dang 2 thuy' tyeis' góp

Cần: Đeo kính sáng mắt
 Nhịn giận ở đời, luyện tập thể thao Nhịn ăn uống và loại
 mã màu. Giản cần
 Siêu ăn từ thiên' giúp tỉnh lý

Hưng Yên, ngày...26.....tháng 11 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

BSCK. DƯƠNG VĂN BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HY20251385

X-RAY

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (*chữ in hoa*): **LÊ VĂN CÔNG**

2. Giới tính:	Nam	☒	Nữ	☐
---------------	-----	-------------------------------------	----	--------------------------

3. Sinh ngày: **04 tháng 07 năm 1989** (Tuổi: 36)

~~4.~~ Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033089007328

5. Cấp ngày: 28/08/2022 Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Chỗ ở hiện tại: Phu và Khôi Châu - Hưng Yên

Số điện thoại liên hệ: **0329717559**

7. Nghề nghiệp: Công nhân Canteen

8. Nơi công tác, học tập: **CÔNG TY TNHH HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II**

Lô đất số A-9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Ngày bắt đầu vào học/làm việc tại đơn vị hiện nay: **23/08/2025**

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê các công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a)
thời gian làm việc năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

b)
thời gian làm việc.....năm..... tháng từ ngày...../...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: không

12. Tiền sử bản thân: *[Handwritten signature]*

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)			
d)			

Người lao động xác nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Công
Le Văn công

Lê Văn Công

Hưng Yên, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thuy

NguyễnThị Thủy

Choe nuh

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi :
- Tính chất kinh nguyệt : Đều ☐ Không đều : ☐
- Chu kỳ kinh : ngày Lượng kinh : ngày
- Đau bụng kinh : Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình : Có ☐ Chưa ☐
- PARA :
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

Chiều cao: 170 cm; Cân nặng: 70 kg; Chỉ số BMI: 24,22
Mạch:lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg
Phân loại thể lực: B

CÔNG TY TNHH
 CHĂM SÓC SỨC KHỎE
 VIỆT NAM
 - CHI NHÁNH
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
 VIỆT - PHÁP II
 M.S. N. 0900389815-001
 M. T. HUNG YEN
 M. T. HUNG YEN

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
176. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn:	Bình thường I	   BS. Lê Thị Dung    
Phân loại		
b) Hô hấp:	Bình thường I	
Phân loại		
c) Tiêu hóa:	Bình thường I	
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu:	Bình thường I	
Phân loại		
đ) Nội tiết:	Bình thường I	
Phân loại		
e) Cơ-xương-khớp:	Bình thường I	
Phân loại		
g) Thần kinh:	Bình thường I	
Phân loại		
h) Tâm thần:	Bình thường I	
Phân loại		

- Ngoại khoa:.....

Phân loại *Bình thường*

- Da liễu:.....

Phân loại *Bình thường*

- Kết quả khám:.....

- Phân loại:.....

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/40 Mắt trái: 8/40
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:
- Các bệnh về mắt (nếu có): MPT: BS/loạn thị
- Phân loại: II

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái:	Nói thường:.....m;	Nói thầm:.....m
Tai phải:	Nói thường:.....m;	Nói thầm:.....m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

- Phân loại:

- Kết quả khám: + Hàm trên:.....
+ Hàm dưới:.....
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):.....
- Phân loại:.....

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

ttttttt) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: **HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG**

- Siêu âm ổ bụng: Hình ảnh gan, thận, mật, lách bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Bình thường

**Họ tên và chữ ký của
Bác sỹ chuyên khoa**

.....

BSCKI. Đoàn Xuân Hiếu

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi : 14
- Tính chất kinh nguyệt : ☒ Đều ☐ Không đều
- Chu kỳ kinh : 30 ngày Lượng kinh : 4 ngày
- Đau bụng kinh : ☐ Có ☒ Không
- Đã lập gia đình : ☒ Có ☐ Chưa
- PARA : 2 0 0 3
- Số lần mổ sản, phụ khoa: ☐ Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☒
- Có đang áp dụng BPTT không? ☐ Có ☐ Ghi rõ: Dùng vòng 72 Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 147 cm; Cân nặng: 60 kg; Chỉ số BMI: 27.86
 Mạch: 75 lần/phút; Huyết áp: 120 / 80 mmHg
 Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa: a) Tuần hoàn: Bình thường Phân loại I b) Hô hấp: Bình thường Phân loại I c) Tiêu hóa: Bình thường Phân loại I d) Thận-Tiết niệu: Bình thường Phân loại I e) Nội tiết: Bình thường Phân loại I f) Cơ-xương-khớp: Bình thường Phân loại I g) Thần kinh: Bình thường Phân loại I h) Tâm thần: Bình thường Phân loại I	BSCKI Hoàng Thị Nga
2. Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Bình Thường Phân loại I - Da liễu: Bệnh ngứa tay Phân loại I	Bs Bùi Đăng Chính BSCKI Nguyễn Thị Cẩm Tú

3. Sản phụ khoa:

a) Khám phụ khoa:

*Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn.

- Kết quả khám: Bình thường I Phân loại: I

* Khám bộ phận sinh dục ngoài.

- Kết quả khám: Bình thường I Phân loại: I

* Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

* Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

* Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

b) Sàng lọc ung thư cổ tử cung: (Xét nghiệm tế bào cổ tử cung)

- Kết quả khám: KHÔNG KHÁM Phân loại: I

c) Sàng lọc ung thư vú: (Kỹ thuật: Khám lâm sàng vú)

- Kết quả khám: Bình thường I Phân loại: I

4. Mắt:

- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10

Có kính: Mắt phải: Mắt trái:

Các bệnh về mắt (nếu có):

Phân loại: I

5. Tai-Mũi-Họng:

- Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường: 5m; Nói thầm: 0.5m

Tai phải: Nói thường: 5m; Nói thầm: 0.5m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

- Phân loại: I

6. Răng-Hàm-Mặt

- Kết quả khám: + Hàm trên: Bình thường I

+ Hàm dưới:

- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):

- Phân loại: I

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang/Siêu âm và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả: * Chẩn đoán hình ảnh:

- X-Quang tim phổi thẳng: HÌNH ẢNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG.

- Siêu âm ổ bụng: Bình thường

- Siêu âm tuyến giáp: Nang tuyến phải, tuyến giáp

- Siêu âm tử cung – phần phụ (nếu có):

Họ tên và chữ ký của

Bác sỹ chuyên khoa

BS. Nguyễn Thị Yến

BS. Giảng A Phụng

BS. Đỗ Thị Bình Minh

BSCKI Đoàn Xuân Kiên

X-RAY



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ KIỀU OANH
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Số điện thoại: 0965916283
3. Sinh ngày: 25 tháng 04 năm 1994 (Tuổi: 31)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033194003572
5. Cấp ngày: 25/04/2021 Tại: Cục trưởng cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Tiên Lữ - Hưng Yên

7. Lý do khám sức khỏe: Xin vào làm việc tại Công ty TNHH Hoya Glass disk Việt Nam II
Lô A9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		✓	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		✓
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		✓	13	Bệnh tâm thần		✓
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		✓	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		✓
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		✓	15	Ngất, chóng mặt		✓
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		✓	16	Bệnh tiêu hóa		✓
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		✓	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		✓
7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:.....Không.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, ngày 16.. tháng 9.. năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Oanh
Nguyễn Thị Kiều Oanh

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 152 Cm; - Cân nặng: 50 Kg; - Chỉ số BMI: 21,64
- Mạch: 81 Lần/phút; - Huyết áp: 110/80 mmHg

Phân loại thể lực: II

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa			BSCKII - NỘI Hà Thị Minh Chuyết BSCKI - NỘI Bùi Đăng Chính BSCK. Phạm Khánh Dư BÁC SĨ Nguyễn Thị Hòa BS. Nguyễn Trí Anh
	Tuần hoàn	Bình thường	
a) Phân loại	I		
	Hô hấp	Bình thường	
b) Phân loại	I		
	Tiêu hóa	Bình thường	
c) Phân loại	I		
	Thận-Tiết niệu	Bình thường	
d) Phân loại	I		
	Nội tiết	Bình thường	
đ) Phân loại	I		
	Cơ - xương - khớp	Bình thường	
e) Phân loại	I		
	Thần kinh	Bình thường	
g) Phân loại	I		
	Tâm thần	Bình thường	
h) Phân loại	I		
	2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa: 10/18, 20/22, 15/15, 15/15			
Phân loại: II			
- Da liễu: Bình thường			
Phân loại: I			
3. Sản phụ khoa:			
Phân loại:			
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 9/10 Mắt trái: 8/10			
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:			
Các bệnh về mắt (nếu có): 2.M: Bình thường			
Phân loại: II			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 105 m			
Tai phải: Nói thường 15 m; Nói thầm 105 m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): 1.M: Bình thường			
Phân loại: I			

6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám:	Hàm trên: / Hàm dưới: Bình thường
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	Bình thường
Phân loại:	I

BSCK Lê Thị Liên

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: +	
a) Công thức máu:	
Số lượng HC: 6.43; Số lượng Bạch cầu: 9.2; Số lượng tiểu cầu: 281	
b) Sinh hóa máu:	
Đường máu: 6.0; Urê: 4.6; Creatinin: 86	
ASAT(GOT): 16; ALAT (GPT): 9	
c) Khác (nếu có):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: +	
a) Đường: 50 mg/dL; b) Protein (-) Âm tính	
c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	Bình thường

BSCK: Đặng Thị Tuyền

BSCKI: Đỗ Quốc Tuấn

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có):

Mắt (P) 9/10; mắt (T) 8/10 (bình thường)

Đường niệu (+).

Cận: Ăn giảm đồ ngọt. Nhìn gần sáng, xét nghiệm lại nước tiểu.

Hưng Yên, ngày 16 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BSCK: DUƠNG VĂN BÌNH

X-RAY



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐÀO THỊ TOÀN
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Số điện thoại: 0964187380
3. Sinh ngày: 18 tháng 5 năm 1986 (Tuổi: 39)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 033186001281
5. Cấp ngày: 11/8/2021 Tại: Cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Nội Lang Tân Hưng - Hưng Yên

7. Lý do khám sức khỏe: Xin vào làm việc tại Công ty TNHH Hoya Glass disk Việt Nam II
Đường 49, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		✓	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		✓
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		✓	13	Bệnh tâm thần		✓
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		✓	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		✓
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính bằng		✓	15	Ngất, chóng mặt		✓
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		✓	16	Bệnh tiêu hóa		✓
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		✓	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		✓
7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:.....
b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, ngày 16 tháng 9 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)
Toàn
Đào Thị Toàn

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 158 Cm; - Cân nặng: 51 Kg; - Chỉ số BMI: 20,42
- Mạch: 70 Làn/phút; - Huyết áp: 110/70 mmHg
Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa	
1.	Nội khoa		BSCK II NỘI Hà Thị Minh Chuyết BSCK II NỘI Bùi Đăng Chính BSCK II NỘI Phạm Khánh Dư BSCK II NỘI Nguyễn Thị Hòa BSCK II NỘI Nguyễn Thị Anh	
	a)	Tuần hoàn		Bình thường
b)	Phân loại	I		Bình thường
	Hô hấp	I		
c)	Phân loại	I		Bình thường
	Tiêu hóa	I		
d)	Phân loại	I		Bình thường
	Thận-Tiết niệu	I		
đ)	Phân loại	I		Bình thường
	Nội tiết	I		
e)	Phân loại	I		Bình thường
	Cơ - xương - khớp	I		
g)	Phân loại	I		Bình thường
	Thần kinh	I		
h)	Phân loại	I	Bình thường	
	Tâm thần	I		
2.	Ngoại khoa, Da liễu:			
	- Ngoại khoa: 20/10: 10/10			
	Phân loại: I			
	- Da liễu: Bình thường			
	Phân loại: I			
3.	Sân phụ khoa:			
	Phân loại:			
4.	Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10				
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:				
Các bệnh về mắt (nếu có): 2 M: Bình thường				
Phân loại: I				
5.	Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:				
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 105 m				
Tai phải: Nói thường 15 m; Nói thầm 105 m				
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bĩ thũi				
Phân loại: I				

6.	Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám:	Hàm trên: /	Bình thường
	Hàm dưới: /	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		BSCK Lê Thị Liên
Phân loại: I		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: +		BSCK: Đặng Thị Tuyền
a) Công thức máu:		
Số lượng HC: 4,96; Số lượng Bạch cầu: 10,2; Số lượng tiểu cầu: 259		
b) Sinh hóa máu:		
Đường máu: 4,5; Urê: 4,7; Creatinin: 8,1		
ASAT(GOT): 15; ALAT (GPT): 8		BSCK: Đặng Thị Tuyền
c) Khác (nếu có):		
2. Xét nghiệm nước tiểu: +		BSCK: Đặng Thị Tuyền
a) Đường: (-) Âm tính; b) Protein (-) Âm tính		
c) Khác (nếu có):		BSCK: Đỗ Quốc Luân
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Bình thường		

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có): Hiện tại khỏe mạnh

Cẩn: kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Hưng Yên, ngày 16 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
BSCK: DƯƠNG VĂN BÌNH



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN VĂN TÂM

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Số điện thoại: 0366.990.511

3. Sinh ngày: 02 tháng 08 năm 1994 (Tuổi: 31)

4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 008094008111

5. Cấp ngày: 09/05/2021 Tại: EA Tuyên Quang

6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Phú Linh xã Yên Lập

7. Lý do khám sức khỏe: Xin vào làm việc tại Công ty TNHH Hoya Glass disk Việt Nam II
Lô A9, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		✓	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		✓
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		✓	13	Bệnh tâm thần		✓
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		✓	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		✓
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		✓	15	Ngất, chóng mặt		✓
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		✓	16	Bệnh tiêu hóa		✓
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		✓	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		✓
7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hưng Yên, ngày 16 tháng 09 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)
Tâm
Nguyễn Văn Tâm

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 171 Cm; - Cân nặng: 64 Kg; - Chỉ số BMI: 21.88
- Mạch: 85 Lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg
Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa		
	Tuần hoàn	Bình thường
a)	Phân loại	I
	Hô hấp	Bình thường
b)	Phân loại	I
	Tiêu hóa	Bình thường
c)	Phân loại	I
	Thận-Tiết niệu	Bình thường
d)	Phân loại	I
	Nội tiết	Bình thường
đ)	Phân loại	I
	Cơ - xương - khớp	2014. M ^o KH X làm mất 2 bên do T NGT
e)	Phân loại	II
	Thần kinh	Bình thường
g)	Phân loại	I
	Tâm thần	Bình thường
h)	Phân loại	I
	2. Ngoại khoa, Da liễu:	
- Ngoại khoa: 2014. M ^o KH X làm mất 2 bên do T NGT		
Phân loại: II		
- Da liễu: Bình thường		
Phân loại: I		
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 9/10 Mắt trái: 9/10		
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:		
Các bệnh về mắt (nếu có): 2. M. Bình thường		
Phân loại: II		
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm: 10.5 m		
Tai phải: Nói thường: m; Nói thầm: m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Bìl thuy		
Phân loại: I		BS. Nguyễn Trí Anh

6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám:	Hàm trên: Hàm dưới: R 37, 46, 47 S 1
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại: II	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu:	
Số lượng HC: 5.52; Số lượng Bạch cầu: 10.3; Số lượng tiểu cầu: 230	
b) Sinh hóa máu:	
Đường máu: 4.8; Urê: 3.8; Creatinin: 76	
ASAT(GOT): 12; ALAT (GPT): 9	
c) Khác (nếu có):	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường: (-) Âm tính; b) Protein (-) Âm tính	
c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Bình thường	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có): Phi lực 2 mắt 9/10 (bình thường)
Bầu 03 sang.

Còn điều trị sâu răng.

Hung Yên, ngày 16 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

BSCK: DUƠNG VĂN BÌNH